SyncMaster B1740R/ B1740RX/ B1940M/B1940EW/ B1940MX/ B1940ER/B1940R/ B1940RX/ B1940MR/ B1940MRX/ B1940W/ B1940WX/ B2240/B2240EW/ B2240X/ B2240W/ B2240WX/B2240M/B2240MH/B2240MX/ B2240MW/ B2240MWX/B2240EMW/ BX2240/ BX2240X/ B2340/ B2440L/B2440MH/ B2440LX/B2440/ B2440X/ B2440M/BX2340/BX2340X/ BX2440/ BX2440X/ E1720NR/ E1720NRX/ E1920/ E1920X/ E1920R/ E1920N/ E1920NX/ E1920NR/ E1920NRX/ E1920NW/ E1920NWX/ E1920W/ E1920WX/ E2020/ E2020X/ E2020N/ E2020NX/ E2220/ E2220X/ E2220N/ E2220NX/ E2220NW/ E2220W/ E2220WX/ EX2220/ EX2220X/ E2320/ E2320X/ E2420/E2420L/E2420LX/E2420NL/E2420NLX/EX1920/ EX1920X/EX2020/EX2020X

Màn hình

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

SAMSUNG

Mục lục

CÁC LƯU Ý AN TOÀN CHÍNH

Trước khi bắt đầu 1-1
Bảo dưỡng và bảo trì 1-2
Các lưu ý an toàn 1-3

LẮP ĐẶT SẢN PHẨM

Phụ kiện trong hộp đựng 2-1
Lắp đặt chân đế 2-2
Lắp đặt chân đế trên giá treo tường 2-3
Kết nối với máy PC 2-4
Kết nối cáp HDMI 2-5
Khóa Kensington 2-6
Kết nối với tai nghe 2-7
Loa 2-8
Kết nối USB 2-9

SỬ DỤNG SẢN PHẨM

Thiết lập độ phân giải tối ưu 3-1
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-2
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-3
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-4
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-5
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-6
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-7
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-8
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-9
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-10
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-11
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-12
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-13
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-14
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-15
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-16
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-17
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-18
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-19
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-20
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-21
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-22
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-23
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-24
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-25
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-26
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-27
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-28

Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-29
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-30
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-31
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-32
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-33
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-34
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-35
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-36
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-37
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-38
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-39
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-40
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-41
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-42
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-43
Cài đặt trình điều khiển thiết bị 3-44
Các nút điều khiển 3-45
Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD:Khung điều khiển) 3-46

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

Natural Color (Màu sắc tự nhiên) 4-1
MagicTune 4-2
MagicRotation 4-3
MultiScreen 4-4

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

Tự chuẩn đoán màn hình - Self-Diagnosis 5-1
Trước khi yêu cầu dịch vụ 5-2
Các câu hỏi thường gặp (FAQ) 5-3

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các đặc tính kỹ thuật 6-1
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-2
Các đặc tính kỹ thuật 6-3
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-4
Các đặc tính kỹ thuật 6-5
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-6
Các đặc tính kỹ thuật 6-7
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-8
Các đặc tính kỹ thuật 6-9
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-10
Các đặc tính kỹ thuật 6-11
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-12
Các đặc tính kỹ thuật 6-13
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-14
Các đặc tính kỹ thuật 6-15
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-16
Các đặc tính kỹ thuật 6-17
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-18
Các đặc tính kỹ thuật 6-19

Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-20
Các đặc tính kỹ thuật 6-21
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-22
Các đặc tính kỹ thuật 6-23
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-24
Các đặc tính kỹ thuật 6-25
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-26
Các đặc tính kỹ thuật 6-27
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-28
Các đặc tính kỹ thuật 6-29
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-30
Các đặc tính kỹ thuật 6-31
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-32
Các đặc tính kỹ thuật 6-33
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-34
Các đặc tính kỹ thuật 6-35
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-36
Các đặc tính kỹ thuật 6-37
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-38
Các đặc tính kỹ thuật 6-39
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-40
Các đặc tính kỹ thuật 6-41
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-42
Các đặc tính kỹ thuật 6-43
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-44
Các đặc tính kỹ thuật 6-45
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-46
Các đặc tính kỹ thuật 6-47
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-48
Các đặc tính kỹ thuật 6-49
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-50
Các đặc tính kỹ thuật 6-51
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-52
Các đặc tính kỹ thuật 6-53
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-54
Các đặc tính kỹ thuật 6-55
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-56
Các đặc tính kỹ thuật 6-57
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-58
Các đặc tính kỹ thuật 6-59
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-60
Các đặc tính kỹ thuật 6-61
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-62
Các đặc tính kỹ thuật 6-63
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-64
Các đặc tính kỹ thuật 6-65
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-66
Các đặc tính kỹ thuật 6-67
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-68
Các đặc tính kỹ thuật 6-69

Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-70**
Các đặc tính kỹ thuật **6-71**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-72**
Các đặc tính kỹ thuật **6-73**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-74**
Các đặc tính kỹ thuật **6-75**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-76**
Các đặc tính kỹ thuật **6-77**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-78**
Các đặc tính kỹ thuật **6-79**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-80**
Các đặc tính kỹ thuật **6-81**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-82**
Các đặc tính kỹ thuật **6-83**
Chức năng tiết kiệm năng lượng **6-84**
Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE **6-85**

1 Các lưu ý an toàn chính

1-1 Trước khi bắt đầu

Các biểu tượng được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
	Lưu ý	Chỉ ra những trường hợp chức năng không hoạt động hoặc thiết lập được hủy bỏ.
	Lưu ý	Chỉ ra một gợi ý hoặc mẹo để sử dụng một chức năng.

Sử dụng tài liệu hướng dẫn này

- Bạn nên hiểu đầy đủ về các lưu ý an toàn trước khi sử dụng sản phẩm này.
- Nếu gặp sự cố, vui lòng tham khảo mục "giải quyết sự cố".

Thông báo về bản quyền

Để cải tiến năng suất sản phẩm, nội dung trong tài liệu hướng dẫn này có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Bản quyền © **2010 công ty TNHH điện tử Samsung vina. Tất cả đã đăng ký bản quyền.**

Bản quyền của tài liệu hướng dẫn này đã được công ty TNHH điện tử Samsung đăng ký bảo hộ.

Không được in ấn, phân phát hoặc sử dụng từng phần hoặc toàn bộ nội dung hướng dẫn này dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa nhận được sự chấp thuận bằng văn bản từ công ty TNHH điện tử Samsung.

Logo SAMSUNG và SyncMaster là các thương hiệu đã đăng ký của công ty TNHH điện tử Samsung.

Microsoft, Windows và Windows NT là các thương hiệu đã đăng ký của tập đoàn Microsoft.

VESA, DPM và DDC là các thương hiệu đã đăng ký của hiệp hội tiêu chuẩn điện tử Video (VESA).

Logo ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (USEPA).

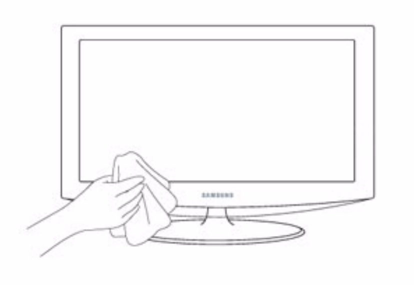
Tất cả các thương hiệu khác được nêu trong tài liệu hướng dẫn này thuộc về các công ty tương ứng.

1-2 Bảo dưỡng và bảo trì

Bảo trì bề mặt ngoài và màn hình

Lau sản phẩm bằng khăn mềm khô.

- Không lau sản phẩm bằng các chất dễ cháy như benzen hoặc dung môi hoặc với khăn ướt. Điều này có thể gây hư hỏng sản phẩm.
- Không cào xước màn hình bằng móng tay hoặc vật sắc nhọn. Điều này có thể gây trầy xước hoặc hư hỏng sản phẩm.
- Không lau sản phẩm bằng cách phun nước trực tiếp lên sản phẩm.
  Nếu nước chảy vào trong sản phẩm, có thể gây hỏa hoạn, chập điện hoặc hư hỏng sản phẩm.
- Nếu sử dụng máy tạo độ ẩm dùng siêu âm, một vết mờ trắng có thể xuất hiện trên bề mặt của mẫu sản phẩm có độ bóng loáng cao do đặc tính vốn có của vật liệu.



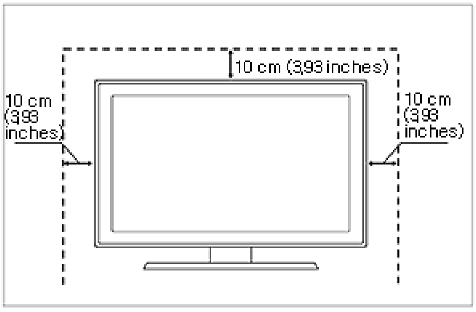
Hình dáng và màu sắc của sản phẩm có thể thay đổi tùy theo mẫu.

Bảo đảm không gian lắp đặt

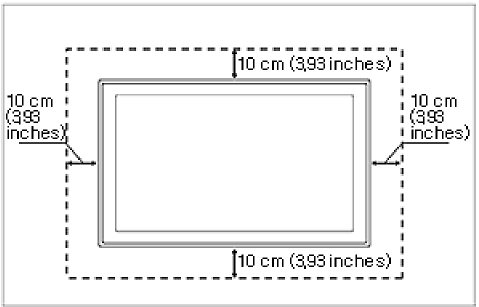
- Giữ khoảng cách cần thiết giữa sản phẩm và các vật khác (vd: tường) để đảm bảo thông gió hợp lý
  Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm do nhiệt độ bên trong tăng
  Lắp đặt sản phẩm sao cho có khoảng cách cần thiết như hình vẽ

Hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm

Khi lắp đặt sản phẩm cùng với chân đế



Khi lắp đặt sản phẩm với một giá treo tường



Về hiện tượng lưu ảnh

- Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình. Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.
- Do những ràng buộc kỹ thuật của nhà sản xuất tấm panel, hình ảnh của sản phẩm có thể sáng hơn hoặc tối hơn bình thường khoảng 1 ppm (1 phần triệu) điểm ảnh.
  Số lượng điểm ảnh phụ theo loại panel: Số Sub-Pixels = độ phân giải ngang tối đa x độ phân giải dọc tối đa x 3
  Ví dụ) Nếu độ phân giải tối đa là 1600 x 900, số sub-pixels là 1600 x 900 x 3 = 4.320.000.

1-3 Các lưu ý an toàn

Các biểu tượng lưu ý an toàn

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
⚠	Cảnh báo	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong.
⚠	Lưu ý	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản.

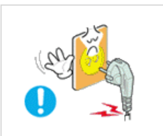
Ý nghĩa các dấu hiệu

🛇	Không được thực hiện.	!	Phải tuân thủ.
🛇	Không được tháo rời.		Phích cắm phải rút ra khỏi ổ cắm trên tường.
🛇	Không được chạm vào.		Luôn nối tiếp đất để tránh chập điện.

Về nguồn điện

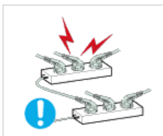
Các hình ảnh sau được dùng để tham khảo và có thể khác đi tùy thuộc vào mẫu sản phẩm và quốc gia.

Cảnh báo



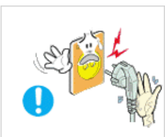
Tránh sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm hư hỏng, ổ điện lỏng hoặc hư hỏng.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



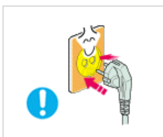
Tránh sử dụng chung nhiều thiết bị điện trên cùng một ổ cắm điện trên tường.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn do ổ cắm trên tường quá nóng.



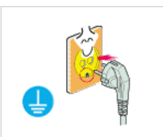
Tránh cắm và rút dây điện bằng tay ẩm ướt.

- Nếu không, có thể gây chập điện.



Gắn phích cắm vào ổ điện một cách chắc chắn.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



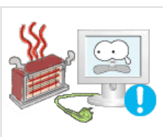
Hãy chắc chắn rằng đã kết nối dây nguồn với ổ cắm trên tường được nối đất (cách điện chỉ dùng cho sản phẩm loại 1).

- Nếu không, có thể gây ra điện giật hoặc thương tích.



Tránh uốn hoặc xoắn dây nguồn quá mức và tránh để vật nặng đè lên dây nguồn.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn do dây nguồn bị phá hủy.



Tránh để dây nguồn và sản phẩm cạnh bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Nếu chân ghim của phích cắm hoặc ổ cắm trên tường bị bụi đóng kín, hãy làm sạch bằng một miếng khăn khô.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

Lưu ý



Tránh rút phích cắm khi sản phẩm đang hoạt động.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm do chập điện.



Khi rút phích cắm khỏi ổ cắm trên tường, luôn giữ đầu phích cắm để rút ra và tránh nắm dây để rút.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Chắc chắn rằng bạn chỉ sử dụng dây nguồn đi kèm chính hãng. Ngoài ra, không sử dụng dây nguồn của thiết bị điện khác.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Cắm phích cắm vào ổ cắm trên tường mà bạn dễ dàng với tới.

- Khi sản phẩm bị hư hỏng, bạn phải rút phích cắm ra để cắt điện hoàn toàn. Bạn không thể cắt nguồn điện hoàn toàn chỉ bằng cách nhấn nút nguồn trên sản phẩm.

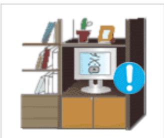
Về lắp đặt

Cảnh báo



Tránh để nến cháy, thuốc xịt muỗi hoặc thuốc lá trên sản phẩm và đặt sản phẩm gần bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi kém thông thoáng, ví dụ như trong kệ sách hoặc tủ.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



Để các túi nhựa dùng đóng gói sản phẩm tránh xa trẻ em.

- Nếu trẻ em để túi nhựa trùm vào đầu, các em có thể bị ngạt.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở vị trí dễ bắt bụi, ẩm ướt (nhà tắm hơi), dầu, khói hoặc nước (mưa rơi) và lắp đặt sản phẩm trong xe cộ.

- Điều này có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi trẻ em dễ với tới.

- Nếu trẻ em chạm tay vào sản phẩm, sản phẩm có thể rơi xuống và gây ra thương tích.
- Do mặt trước của sản phẩm nặng hơn, hãy lắp đặt nó trên một bề mặt ổn định và phẳng.



Yêu cầu kỹ sư lắp đặt hoặc công ty chuyên ngành để lắp đặt sản phẩm lên tường.

- Nếu không, có thể gây ra thương tích.
- Hãy chắc chắn sử dụng đúng loại giá đỡ chuyên dùng để gắn tường.



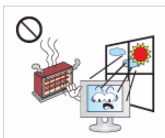
Để sản phẩm cách tường ít nhất 10 cm để thông thoáng.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi không chắc chắn hoặc rung lắc quá mức, chẳng hạn như trên một kệ nghiêng hoặc không cố định.

- Sản phẩm có thể rơi xuống gây ra hư hỏng hoặc thương tích.
- Nếu bạn đặt sản phẩm ở nơi rung lắc quá mức, điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời hoặc gần một nguồn nhiệt như lửa hoặc bếp lò.

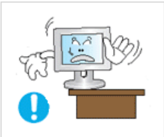
- Điều này có thể làm giảm tuổi thọ của sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.

Lưu ý



Không để sản phẩm rớt xuống khi di chuyển.

- Điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.



Khi lắp đặt trên tủ đựng tivi hoặc giá sách, hãy chắc chắn phần trước của sản phẩm không nhô ra khỏi tủ đựng tivi hoặc giá sách.

- Nếu không, có thể rơi xuống và gây ra hỏng hoặc thương tích.
- Luôn sử dụng một tủ hoặc giá sách phù hợp với kích thước của sản phẩm.



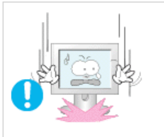
Nếu sản phẩm được lắp đặt ở vị trí mà các điều kiện vận hành thay đổi đáng kể, chất lượng có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do môi trường xung quanh. Trong trường hợp này, chỉ lắp đặt sản phẩm sau khi tham khảo với một trong số các kỹ sư dịch vụ của chúng tôi về vấn đề này.

- Những chỗ tiếp xúc với bụi cực nhỏ, hóa chất, nhiệt độ quá cao hoặc thấp, độ ẩm cao, chẳng hạn như ở sân bay hoặc nhà ga nơi sản phẩm được sử dụng liên tục trong một thời gian dài v.v...



Không đặt sản phẩm úp xuống sàn nhà.

- Điều này có thể làm hỏng tấm panel của sản phẩm.



Khi đặt sản phẩm xuống, hãy hạ nó một cách nhẹ nhàng.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Về làm sạch

Khi sử dụng chất tác động bề mặt, có chứa nhiều cồn, dung môi hoặc các hóa chất mạnh khác, sản phẩm có thể bị phai màu hoặc rạn nứt bên ngoài hoặc bong tróc tấm bề mặt ra, hãy chắc chắn bạn luôn sử dụng các chất làm sạch được khuyến cáo.

Bạn có thể mua chất làm sạch được khuyến cáo từ một trung tâm dịch vụ.



Trước khi lau chùi sản phẩm, hãy rút dây nguồn ra.

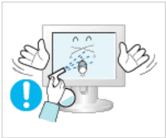
- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Khi lau chùi sản phẩm, không được phun nước trực tiếp vào các bộ phận của sản phẩm.

- Luôn bảo đảm rằng nước không lọt vào trong sản phẩm.
- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn, chập điện hoặc hư hỏng sản phẩm.

Lưu ý



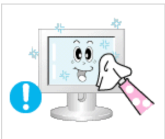
Tránh phun chất tẩy rửa trực tiếp lên sản phẩm.

- Điều này có thể làm phai màu hoặc nứt gãy vỏ sản phẩm hoặc rơi tấm panel.



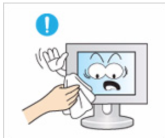
Khi lau chùi sản phẩm, hãy rút dây nguồn và lau chùi nhẹ nhàng bằng khăn mềm khô.

- Tránh sử dụng hóa chất như sáp, benzen, rượu cồn, dung môi, thuốc diệt muỗi, chất tạo hương, dầu nhờn hoặc dung dịch tẩy rửa để lau sản phẩm.
  Điều này làm bề mặt sản phẩm bị biến dạng hoặc dấu in bị xóa mất.



Sử dụng khăn mềm, thấm ướt bằng "chất tẩy rửa dùng riêng cho màn hình" để lau chùi sản phẩm.

- Nếu không có "chất tẩy rửa dùng riêng cho màn hình", hãy pha loãng chất tẩy rửa với nước theo tỷ lệ 1:10 trước khi lau chùi sản phẩm.



Do mặt ngoài của sản phẩm dễ dàng bị trầy xước, nên luôn nhớ chỉ sử dụng khăn lau phù hợp. Dùng khăn lau với một ít nước. Tuy nhiên, nếu khăn bị vấy bẩn bởi các vật chất lạ, nó có làm trầy xước bề mặt; do đó hãy giữ sạch vật lạ ra khỏi khăn trước khi sử dụng nó.

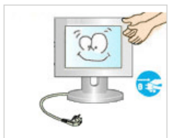
Về cách sử dụng

Cảnh báo



Sản phẩm sử dụng điện áp cao, không bao giờ được tự ý tháo ráp, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.
- Nếu cần sửa chữa sản phẩm, hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.



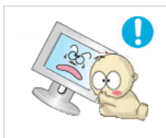
Khi lau chùi sản phẩm, không được phun nước trực tiếp vào các bộ phận của sản phẩm.

- Luôn bảo đảm rằng nước không lọt vào trong sản phẩm.
- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn, chập điện hoặc hư hỏng sản phẩm.



Nếu sản phẩm phát ra âm thanh lạ, có mùi khét, hoặc khói, lập tức rút phích cắm và liên hệ với trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



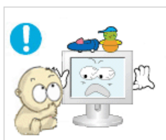
Tránh cho trẻ em treo sản phẩm lên hoặc trèo lên sản phẩm.

- Nếu không, sản phẩm có thể bị rơi xuống gây ra thương tích hoặc tử vong.



Khi để rơi sản phẩm hoặc vỡ vỏ, hãy tắt nguồn và rút phích dây nguồn. Hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.



Tránh đặt các vật dụng như đồ chơi và bánh kẹo lên trên sản phẩm.

- Đề phòng trường hợp trẻ em đu bám vào sản phẩm để với lấy đồ chơi có thể làm sản phẩm rơi xuống gây ra thương tích hoặc thậm chí tử vong.



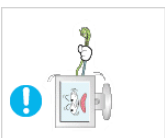
Khi xảy ra sấm sét, hãy rút dây nguồn và không chạm vào cáp ăng-ten bất kỳ lý do nào để tránh nguy hiểm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Tránh làm rơi bất kỳ vật nào lên sản phẩm hoặc va đập vào sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



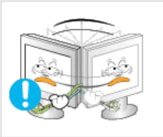
Tránh di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.



Khi rò rỉ khí, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm và thông gió ngay lập tức.

- Một tia lửa có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.
- Khi có sấm chớp hoặc giông tố, không chạm vào dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.



Tránh nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách chỉ nắm dây nguồn hoặc dây tín hiệu.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.



Tránh sử dụng hoặc đặt bình xịt hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Điều này có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.



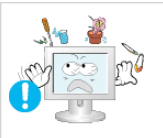
Chú ý không để khăn trải bàn hoặc rèm cửa làm bít lỗ thông gió.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



Tránh đút các vật dụng kim loại như đũa, tiền đồng hoặc kẹp tóc, hoặc vật dễ cháy vào trong sản phẩm (lỗ thông gió, các cổng, .v.v...).

- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.



Tránh đặt các vật chứa chất lỏng như bình, chậu hoa, đồ uống, mỹ phẩm hoặc lọ thuốc, hoặc vật dụng kim loại trên sản phẩm.

- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.

Lưu ý



Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình.

- Nếu không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.



Khi không sử dụng sản phẩm một thời gian dài chẳng hạn như đi xa nhà, hãy rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường.

- Nếu không, nó có thể bị đóng bụi và gây ra hỏa hoạn do quá nóng hoặc đoản mạch hoặc gây ra chập điện.



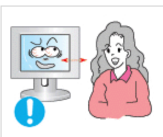
Đặt độ phân giải và tần số thích hợp cho sản phẩm.

- Nếu không, có thể làm mỏi mắt.

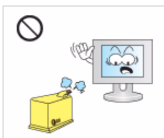


Tránh xoay úp mặt trên sản phẩm xuống hoặc chỉ cầm chân đế khi di chuyển sản phẩm.

- Điều này có thể làm rơi sản phẩm gây ra hư hỏng hoặc thương tích.

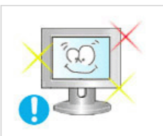


Nhìn vào sản phẩm liên tục ở khoảng cách quá gần có thể gây hại cho thị lực của bạn.



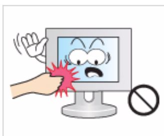
Tránh sử dụng máy giữ độ ẩm hoặc nồi cơm gần sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Điều quan trọng là hãy cho mắt của bạn được nghỉ ngơi (5 phút mỗi giờ) khi theo dõi màn hình quá lâu.

- Điều này giúp dịu cảm giác mỏi mắt.



Không chạm vào sản phẩm vì tấm hiển thị sẽ nóng sau một thời gian dài hoạt động.



Để các phụ kiện nhỏ tránh xa trẻ em.



Hãy cẩn thận khi điều chỉnh góc sản phẩm hoặc chiều cao chân đế.

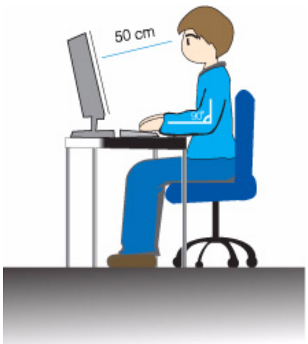
- Nếu để bàn tay hoặc ngón tay bị kẹt, bạn có thể bị thương.
- Nếu để sản phẩm nghiêng quá mức, nó có thể rơi xuống và gây ra thương tích.



Tránh đặt vật nặng lên trên sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm



Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm.

- Giữ lưng thẳng.
- Giữ khoảng cách 45~50 cm từ mắt đến màn hình. Nhìn xuống màn hình và ngửa mặt màn hình ra phía trước.
- Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm.
- Điều chỉnh góc sản phẩm sao cho ánh sáng không bị phản chiếu trên màn hình.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý và giữ cho cánh tay nằm ngang với phần sau của tay bạn.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý.
- Đặt thẳng gót chân trên nền nhà trong khi giữ đầu gối tạo thành một góc 90 độ hoặc hơn và duy trì vị trí của cánh tay sao cho nó ở phía dưới trái tim của bạn.

2 Lắp đặt sản phẩm

2-1 Phụ kiện trong hộp đựng

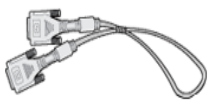
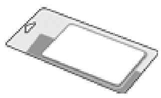
- Mở sản phẩm và kiểm tra xem tất cả các thành phần sau có được kèm theo.
- Giữ lại hộp đóng gói phòng trường hợp khi cần di chuyển sản phẩm sau này.

Loại 1



Màn hình & Chân đế HAS

NỘI DUNG			
			
Sổ tay lắp đặt	Bảo hành sản phẩm (Chỉ có ở một số khu vực)	Hướng dẫn sử dụng	Cáp D-Sub
			
Dây điện nguồn	Chân đế		

CÁC PHỤ KIỆN TÙY CHỌN			
			
Cáp HDMI	Cáp DVI	Vải lau	Cáp Stereo

Khăn lau chỉ được cung cấp kèm theo các mẫu sản phẩm có độ bóng loáng cao.

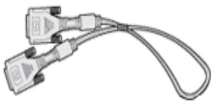
Loại 2



Màn hình & Chân đế đơn giản

Chương trình xoay màn hình MagicRotation không thể sử dụng được vì chân đế đơn giản không hỗ trợ chức năng xoay.

NỘI DUNG			
			
Sổ tay lắp đặt	Bảo hành sản phẩm (Chỉ có ở một số khu vực)	Hướng dẫn sử dụng	Cáp D-Sub
			
Dây điện nguồn	Chân đế	Trụ chân đế	

CÁC PHỤ KIỆN TÙY CHỌN			
			
Cáp HDMI	Cáp DVI	Vải lau	Cáp Stereo

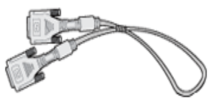
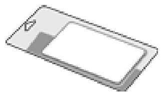
Khăn lau chỉ được cung cấp kèm theo các mẫu sản phẩm có độ bóng loáng cao.

Loại 3



Màn hình và chân đế HAS-USB

NỘI DUNG			
			
Sổ tay lắp đặt	Bảo hành sản phẩm (Chỉ có ở một số khu vực)	Hướng dẫn sử dụng	Cáp D-Sub
			
Dây điện nguồn	Chân đế		

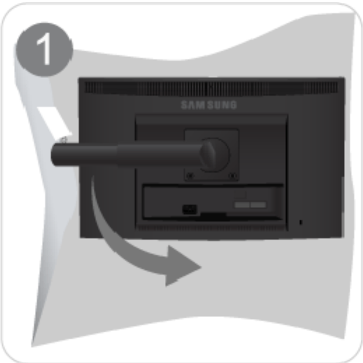
CÁC PHỤ KIỆN TÙY CHỌN			
			
Cáp HDMI	Cáp DVI	Vải lau	Cáp Stereo
			
Cáp USB			

Khăn lau chỉ được cung cấp kèm theo các mẫu sản phẩm có độ bóng loáng cao.

2-2 Lắp đặt chân đế

Trước khi lắp ráp sản phẩm, hãy tìm nơi bằng phẳng và vững chãi để đặt sản phẩm sao cho màn hình được úp xuống.

Chân đế HAS

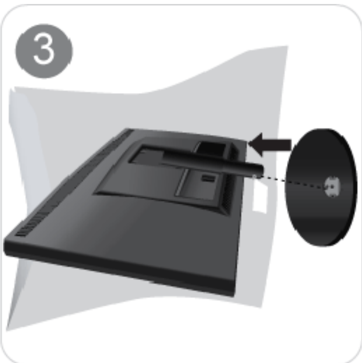


Lót một miếng khăn mềm trên bàn để bảo vệ sản phẩm và để sản phẩm lên trên khăn sao cho mặt trước của sản phẩm úp xuống dưới.

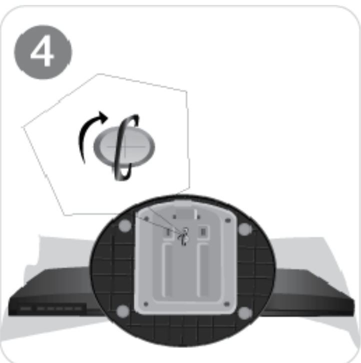
Chỉ tháo chốt chặn sau khi đã lắp chân đế.



Dùng tay giữ thân sản phẩm như hình vẽ.



Đặt phần kết nối chân đế vào trong phần nền của chân đế theo hướng như hình vẽ.



Vặn thật chắc đinh ốc liên kết nằm ở mặt dưới chân đế sao cho nó được cố định hoàn toàn.



Sau khi lắp đặt chân đế, dựng màn hình lên như hình vẽ. Bây giờ bạn có thể tháo chốt chặn để điều chỉnh chân đế.



- Lưu ý

Tránh nâng nhấc sản phẩm lên bằng cách chỉ nắm chân đế.

Quá trình tháo theo hướng ngược lại với quá trình lắp đặt.

Khi xoay màn hình từ ngang sang dọc, trước tiên hãy nghiêng tối đa màn hình về phía sau.



Ⓐ Bản chặn chân đế

Chân đế đơn giản



Chèn trụ chân đế vào đế theo hướng dẫn như hình vẽ.



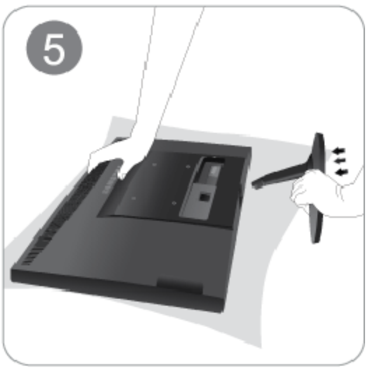
Kiểm tra trụ chân đế đã ráp nối chắc chắn.



Vặn thật chắc đinh ốc liên kết nằm ở mặt dưới chân đế sao cho nó được cố định hoàn toàn.



Lót một miếng khăn mềm trên bàn để bảo vệ sản phẩm và để sản phẩm lên trên khăn sao cho mặt trước của sản phẩm úp xuống dưới.



Dùng tay giữ thân sản phẩm như hình vẽ.

Đẩy chân đế vừa được ráp nối vào trong thân sản phẩm theo chiều mũi tên như hình vẽ.



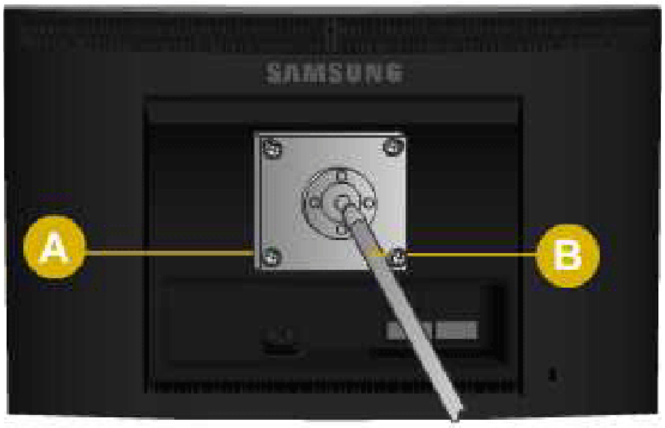
- Lưu ý

Tránh nâng nhấc sản phẩm lên bằng cách chỉ nắm chân đế.

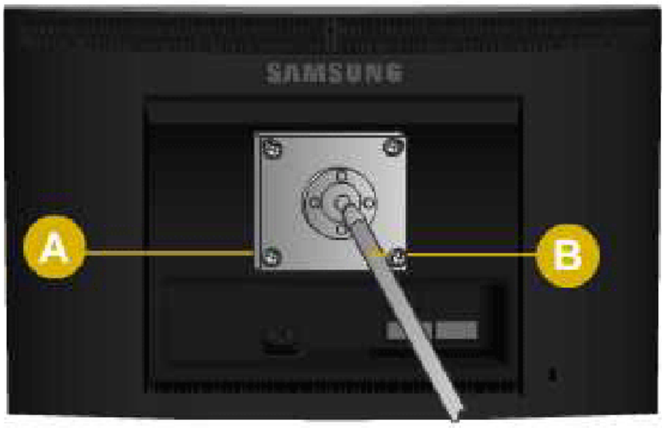
Quá trình tháo theo hướng ngược lại với quá trình lắp đặt.

2-3 Lắp đặt chân đế trên giá treo tường

Sản phẩm này được cung cấp kèm một giá treo kích thước 75 mm x 75 mm theo các quy cách VESA.



Chân đế HAS



Chân đế đơn giản

A Giá treo

B Chân đế (Tùy chọn)

1. Tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường.
2. Đặt một miếng lót hoặc khăn mềm trên bàn để bảo vệ tấm panel và đặt sản phẩm lên trên khăn sao cho mặt trước của sản phẩm úp xuống dưới.
3. Tháo chân đế.
4. Gióng thẳng khe trượt trên bộ phận của sản phẩm dùng để kết nối với khe trượt của chân đế (chân để bàn, chân giá treo tường hoặc chân đế khác) và xiết chặt đinh ốc để gắn cố định chân đế.

- Nếu bạn sử dụng loại đinh ốc dài hơn các quy cách tiêu chuẩn, phần trong của sản phẩm có thể bị hư hại.
- Với các giá treo tường không tương thích với các quy cách VESA, độ dài của đinh ốc có thể khác tùy theo quy cách tương ứng.
- Không sử dụng các loại đinh ốc không tương thích với các quy cách VESA và không dùng lực quá mạnh để bắt đinh ốc. Điều này có thể làm hư sản phẩm hoặc gây ra thương tích khi sản phẩm rơi xuống.
  Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại hoặc thương tích nào.
- Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng hoặc thương tích nào do sản phẩm gây ra bởi việc sử dụng chân đế không tương thích với các quy cách chỉ định hoặc việc lắp đặt không được thực hiện bởi kỹ sư lắp đặt được ủy quyền.
- Khi lắp đặt sản phẩm bằng giá treo tường, hãy mua giá treo có chừa khoảng cách với tường ít nhất 10 cm.

- Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hậu quả nào gây ra do sử dụng chân đế không tương thích với các quy cách chỉ định.
- Sử dụng giá treo tường theo các quy cách quốc tế.

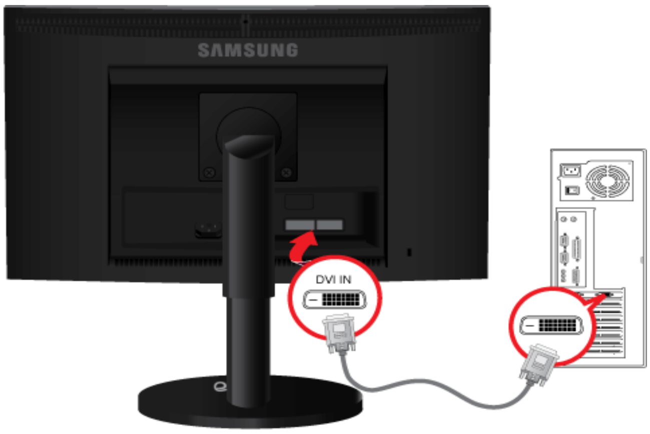
2-4 Kết nối với máy PC

Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.

1. Kết nối sản phẩm tới một máy PC tùy thuộc ngõ ra video được hỗ trợ bởi máy PC.
   - Khi card màn hình cung cấp cổng D-Sub (<Analog>)
     - Kết nối cổng [RGB IN] trên sản phẩm vào cổng [D-Sub] trên máy PC bằng cáp D-Sub.



   - Khi card màn hình cung cấp cổng DVI (<Digital>)
     - Kết nối cổng [DVI IN] trên sản phẩm vào cổng [DVI] trên máy PC bằng cáp DVI.



Cổng DVI IN chỉ được cung cấp cho các kiểu có cổng (DVI) Digital chuyên dụng

2. Kết nối một đầu của dây nguồn vào ngõ cấp [POWER] trên sản phẩm và kết nối đầu kia của dây nguồn với ổ cắm trên tường 220 V hoặc 110 V.
   (Điện áp vào được chuyển tự động.)



Khi sản phẩm được kết nối với một máy PC, bạn có thể mở nguồn sản phẩm và sử dụng nó.

Nếu dùng cả hai loại cáp DVI (<Digital>) và D-Sub (<Analog>) để kết nối, bạn có thể chọn nguồn tín hiệu vào là <Analog/Digital> bằng cách nhấn nút[⏎/SOURCE].

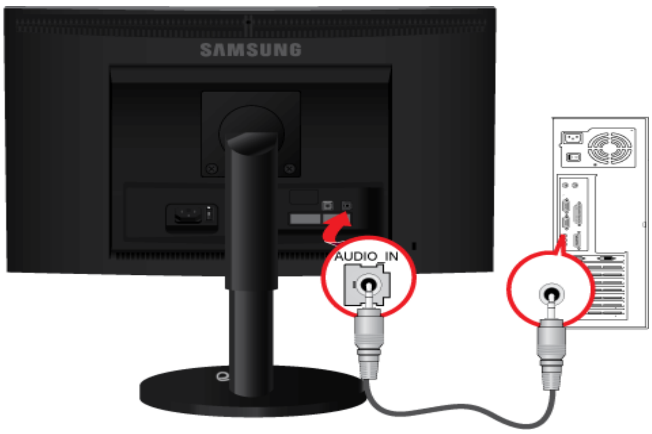
POWER ON [│] / OFF

Nhấn nút bật/tắt nguồn.



Một số kiểu có đế HAS sản xuất cho khu vực đặc biệt có nút này. Và một số kiểu có loa cũng có nút này.

3. Kết nối cổng [AUDIO IN] ở phía sau màn hình vào card âm thanh của máy PC.



Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa

2-5 Kết nối cáp HDMI

1. Kết nối ngõ xuất tín hiệu HDMI của thiết bị xuất tín hiệu số với cổng [HDMI IN] trên sản phẩm bằng cáp HDMI.



Chỉ cung cấp cổng HDMI IN cho những kiểu có cổng HDMI chuyên dụng.

2-6 Khóa Kensington

Khóa Kensington

Khóa Kensington là một sản phẩm chống trộm cho phép người dùng khóa sản phẩm để tạo sự an toàn khi sử dụng ở nơi công cộng. Hình dạng và cách dùng của thiết bị khóa có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu sản phẩm và nhà sản xuất, để biết chi tiết hơn, tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng cung cấp kèm với thiết bị khóa. Bạn phải mua một thiết bị khóa bổ sung.

Vị trí của khóa Kensington có thể thay đổi tùy theo kiểu mẫu.



Khóa sản phẩm

1. Gài phần khóa của thiết bị khóa vào lỗ trên khóa Kensington của sản phẩm (B) và xoay về chiều khóa (A).
2. Nối cáp cho khóa Kensington.
3. Cố định cáp khóa Kensington vào bàn hoặc vật nặng.

Bạn có thể mua thiết bị khóa từ cửa hàng điện tử, cửa hàng trực tuyến, hoặc trung tâm dịch vụ của chúng tôi.

2-7 Kết nối với tai nghe



Kết nối tai nghe của bạn vào đầu cắm tai nghe.

Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa

2-8 Loa



Bạn có thể nghe âm thanh bằng cách kết nối card âm thanh của máy PC với màn hình.

Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa

2-9 Kết nối USB

Chỉ áp dụng cho các kiểu có chân đế và cổng USB.

Bạn có thể dùng các thiết bị có cổng USB như chuột, bàn phím, thẻ nhớ Memory Stick hoặc ổ cứng rời bằng cách kết nối chúng vào cổng **DOWN** của màn hình mà không cần phải kết nối chúng vào máy PC.

Cổng USB của màn hình này hỗ trợ cổng USB Tọa độ cao 2.0.

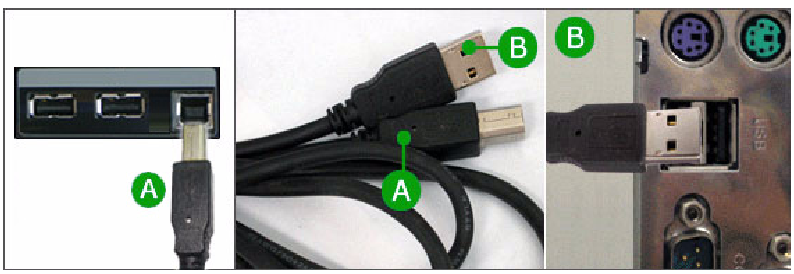
	Tọa độ cao	Tọa độ vừa	Tọa độ thấp
Tọa độ truyền dữ liệu	480 Mbps	12 Mbps	1,5 Mbps
Công suất tiêu thụ điện năng	2,5 W (Tối đa trên mỗi cổng)	2,5 W (Tối đa trên mỗi cổng)	2,5 W (Tối đa trên mỗi cổng)





1. Kết nối cổng **UP** của màn hình và của USB trên máy tính bằng cáp USB.

   - Để sử dụng cổng **DOWN** bạn phải nối **UP** (Cáp chiều lên) với PC.
   - Cần bảo đảm việc sử dụng cáp USB của màn hình để nối cổng **UP** của màn hình và cổng USB trên máy tính.



2. Kết nối cổng **DOWN** của USB của màn hình và thiết bị USB bằng cáp USB.
3. Quá trình sử dụng giống như khi dùng thiết bị ngoại vi để kết nối vào máy tính.
   - Bạn có thể kết nối và sử dụng chuột và bàn phím.
   - Bạn có thể phát một tập tin qua thiết bị media.

(Các thiết bị media nhỏ: máy nghe nhạc MP3, máy quay phim kỹ thuật số v.v…)

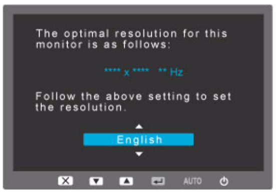
- Bạn có thể chạy, di chuyển, sao chép hoặc xóa các tập tin trên thiết bị lưu trữ.
  (Các thiết bị lưu trữ nhỏ: bộ nhớ ngoại vi, thẻ nhớ, đầu đọc thẻ nhớ, máy nghe nhạc MP3 loại HDD v.v…)
- Bạn có thể dùng các thiết bị có cổng USB khác để kết nối vào máy tính.

- Khi kết nối thiết bị vào cổng **DOWN** của màn hình, hãy kết nối thiết bị vào màn hình bằng loại cáp thích hợp cho thiết bị đó.
- (Để mua cáp và các thiết bị ngoại vi, hãy hỏi trung tâm dịch vụ các sản phẩm tương ứng.)
- Công ty không chịu trách nhiệm với các sự cố hoặc hư hỏng đối với thiết bị ngoại vi do dùng cáp không được phép sử dụng để kết nối.
- Một số sản phẩm không tuân theo các tiêu chuẩn USB và có thể gây lỗi khi thiết bị hoạt động.
- Nếu có lỗi khi thiết bị hoạt động, ngay cả khi đã được kết nối vào máy tính, hãy liên hệ trung tâm dịch vụ thiết bị/máy tính.

3 Sử dụng sản phẩm

3-1 Thiết lập độ phân giải tối ưu

Nếu mở nguồn điện ngay sau khi mua sản phẩm, một thông báo về thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện trên màn hình. Hãy chọn một ngôn ngữ và độ phân giải tối ưu.



▲/▼ : Bạn có thể chọn một ngôn ngữ bằng những nút sau.

MENU : Khi nhấn nút này, thông báo được tắt đi.

- Thông báo này sẽ xuất hiện tối đa 3 lần nếu độ phân giải chưa được cài đặt tối ưu.
- Thiết lập độ phân giải tối ưu
  - Khi máy PC đã tắt nguồn, kết nối sản phẩm với máy PC và mở nguồn điện.
  - Nhấn phải chuột trên Desktop và chọn 'Properties (Thuộc tính)' từ menu pop-up (menu sổ xuống).
  - Trong thẻ 'Settings (Thiết lập)', chọn độ phân giải về độ phân giải tối ưu.

3-2 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1740R/B1740RX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-3 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1940M/B1940MX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-4 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1940ER

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-5 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1940R/B1940RX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-6 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1940MR/B1940MRX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-7 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1940W/B1940WX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-8 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240/B2240X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	++
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-9 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240W /B2240WX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1680 X 1050	64,674	59,883	119,000	+/-
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-10 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240M/B2240MX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	++
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-11 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240MW/B2240MWX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1680 X 1050	64,674	59,883	119,000	+/-
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-12 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240EMW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1680 X 1050	64,674	59,883	119,000	+/-
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-13 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2340

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
MAC,1152 X 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-14 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2440L/B2440LX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
MAC,1152 X 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-15 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2440/B2440X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA,1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA,1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA,1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-16 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2440M

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-17 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

BX2240/BX2240X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA,1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-18 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

BX2440/BX2440X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-19 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1720NR/E1720NRX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-20 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1920/E1920X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-21 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1920R

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-22 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1920N/E1920NX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-23 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1920NR/E1920NRX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-24 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1920NW /E1920NWX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-25 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E1920W/E1920WX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-26 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2020/E2020X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-27 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2020N/E2020NX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	27,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-28 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2220/E2220X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	37,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-29 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2220N/E2220NX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	37,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-30 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2220NW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	64,674	59,883	119,000	+/-
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-31 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2220W /E2220WX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	64,674	59,883	119,000	+/-
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-32 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2320/E2320X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
MAC, 832 x 624	49,726	74,511	57,284	-/-
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-33 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

> Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.
>
> Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

EX2220/EX2220X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	37,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-34 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240MH

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM,640 X 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM,720 X 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC,640 X 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC,832 X 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC,1152 X 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA,640 X 480	31,469	59,94	25,175	-/-
VESA,640 X 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA,640 X 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA,800 X 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA,800 X 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA,800 X 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA,800 X 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA,1024 X 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA,1024 X 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA,1024 X 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-35 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2440MH

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-36 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

BX2340/BX2340X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA , 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
VESA , 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA , 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA , 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA , 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA , 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA , 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA , 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA , 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA , 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA , 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-37 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B1940EW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-38 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

B2240EW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	64,674	59,883	119,000	+/-
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-39 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2420

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-40 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2420NL/E2420NLX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-41 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

E2420L/E2420LX

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 X 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600 X 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA,1680 X 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 X 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-42 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

EX1920/EX1920X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-43 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

EX2020/EX2020X

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA,1152 X 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA,1280 X 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA,1280 X 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA,1440 X 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA,1600x 900	60,000	60,000	108,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

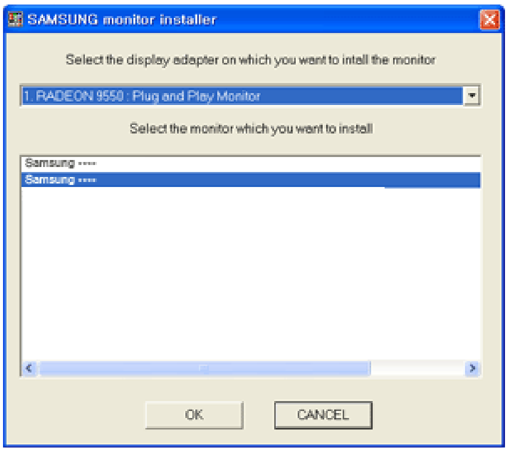
Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-44 Cài đặt trình điều khiển thiết bị

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển thiết bị, bạn có thể thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm. Trình điều khiển thiết bị được đóng gói trong CD-ROM đi kèm. Nếu tập tin trình điều khiển đi kèm bị lỗi, vui lòng truy cập trang web trung tâm dịch vụ (http://www.samsung.com/), công ty điện tử Samsung để tải về trình điều khiển.

Bạn có thể tải Windows 7 trình điều khiển liên quan từ Samsung trang web Electronics.

1. Đưa đĩa CD-ROM cài đặt vào ổ CD-ROM.
2. Nhấp vào "Windows Driver".
3. Hoàn tất các bước cài đặt còn lại theo các chỉ dẫn hiển thị trên màn hình.
4. Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.



5. Kiểm tra độ phân giải và tần số làm tươi màn hình trong thiết lập Control Panel (Bảng điều khiển). Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo tài liệu về hệ điều hành Windows.

Các nút điều khiển



BIỂU TƯỢNG		PHẦN MÔ TẢ
1	MENU/	Nhấn nút này để xem khung điều khiển (OSD). Nút này cũng được sử dụng để thoát OSD hoặc quay về menu OSD cao hơn * Khóa điều chỉnh OSD Chức năng này dùng để khóa OSD nhằm duy trì các thiết lập hiện hành hoặc tránh người khác thay đổi các thiết lập Mở: nếu nhấn và giữ nút MENU trong 5 giây, chức năng khóa điều chỉnh OSD được kích hoạt. Tắt: nếu nhấn và giữ nút MENU trong 5 giây lần nữa, chức năng khóa điều chỉnh OSD bị vô hiệu hóa. Dù chức năng khóa điều chỉnh OSD được kích hoạt, bạn vẫn có thể được điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và có thể gán chức năng điều chỉnh cho [].
2		Có thể cài đặt <Customized Key> cho một trong các chức năng sau. Nếu bạn nhấn <Customized Key> [] sau khi đã cài đặt nó, chức năng đã được cấu hình sẽ được thực hiện • Tín hiệu máy PC <MagicBright> - <MagicAngle> - <MagicEco> - <Image Size> • Tín hiệu AV <Picture Mode> - <MagicAngle> - <MagicEco> - <Image Size> Bạn có thể cài đặt chức năng cho <Customized Key> bằng cách chọn <SETUP&RESET> -> <Customized Key>trong OSD.
3	▲/▼	Sử dụng các nút này để di chuyển trên menu hoặc điều chỉnh trị số trong OSD.
4	☼	Sử dụng nút này để kiểm soát độ sáng của màn hình.

BIỂU TƯỢNG		PHẦN MÔ TẢ
5	↵	Kích hoạt các mục menu được tô sáng. Trình đơn <Customized Key>, bạn có thể sử dụng nút này để lần lượt chuyển tính năng trong trình đơn <Customized key>.
6	SOURCE	Sử dụng nút này để chọn chức năng Khi OSD chưa được kích hoạt, nếu nhấn nút [SOURCE] tín hiệu ngõ vào được chuyển qua lại giữa (Analog/Digital/HDMI). Khi chuyển đổi tín hiệu vào bằng cách nhấn nút [SOURCE] hoặc khi sản phẩm được bật nguồn, một thông báo hiển thị lựa chọn tín hiệu vào xuất hiện đỉnh trái của màn hình. • Để chọn chế độ Digital, bạn phải kết nối sản phẩm và máy PC bằng cáp DVI. • Chức năng này không có sẵn trong các sản phẩm chỉ có một giao diện Analog (Tuần tự).
7	**AUTO**	Nhấn [AUTO] để điều chỉnh các thiết lập màn hình một cách tự động Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. Nếu các thiết lập độ phân giải được thay đổi Display Properties (Thuộc tính hiển thị), chức năng AUTO adjustment được thực hiện.
8	⏻	Nhấn nút này để tắt hay mở nguồn sản phẩm. **Đèn LED nguồn** Đèn LED này bật sáng khi sản phẩm hoạt động bình thường. Để biết thêm thông tin về chức năng tiết kiệm năng lượng, vui lòng tham khảo chức năng tiết kiệm năng lượng trong More Information (Thông tin thêm). Khi không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy rút dây nguồn theo khuyến cáo để giảm thiểu tiêu hao điện.
9	🔈	Khi OSD không xuất hiện trên màn hình, nhấn nút này để điều chỉnh âm lượng.

3-46 Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD:Khung điều khiển)

Menu điều chỉnh màn hình (OSD:Khung điều khiển) Cấu trúc

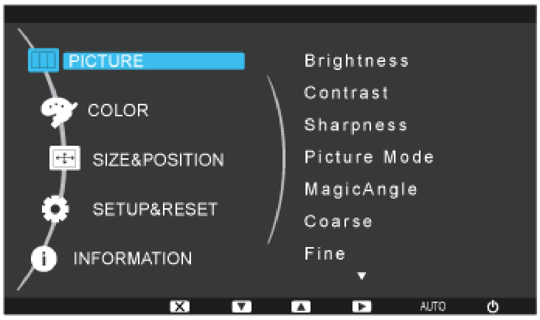
MENU CHÍNH	MENU PHỤ				
PICTURE	Brightness	Contrast	Sharpness	MagicBright	Picture Mode
	MagicAngle	Coarse	Fine	HDMI Black Level	
COLOR	MagicColor	Red	Green	Blue	Color Tone
	Color Effect	Gamma			
SIZE & POSITION	H-Position	V-Position	Image Size	Menu H-Position	Menu V-Position
SETUP&RESET	Reset	Language	MagicReturn	MagicEco	Off Timer On/Off
	Off Timer Setting	Key Repeat Time	Customized Key	Auto Source	PC/AV Mode
	Display Time	Menu Transparency			
INFORMATION					

Các tính năng màn hình có thể khác nhau đối với các mẫu khác nhau.Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

PICTURE



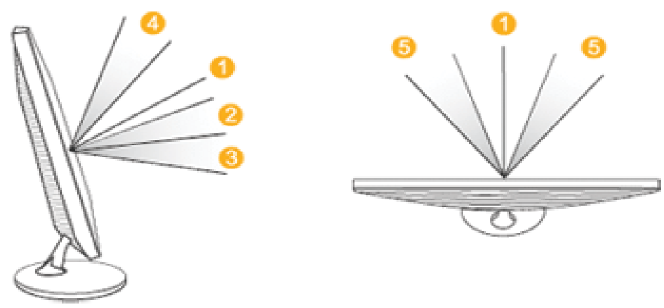
<Tín hiệu máy PC>



<Tín hiệu AV>

MENU	PHẦN MÔ TẢ
Brightness	Điều khiển độ sáng của màn hình. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicBright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>. • Không có menu này khi tính năng <MagicEco> được cài đặt.
Contrast	Điều chỉnh độ tương phản của các hình ảnh được hiển thị trên màn hình • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicBright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc chế độ <Cinema>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicColor> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.

MENU	PHẦN MÔ TẢ
Sharpness	Điều chỉnh sự rõ nét của các chi tiết hình ảnh hiển thị trên màn hình • Tính năng này không có khi MagicBright được đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicColor> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.
MagicBright	Cung cấp sẵn các thiết lập hình ảnh được tối ưu hóa cho nhiều môi trường làm việc khác nhau như soạn thảo một tài liệu, lướt Internet, chơi game, xem thể thao hoặc phim ảnh v.v... • <Custom> Nếu các chế độ hình ảnh cài đặt sẵn chưa đáp ứng đủ, người dùng có thể cài đặt trực tiếp <brightness> và <Contrast> bằng chế độ này. • <Standard> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho soạn thảo một tài liệu và lướt Internet (văn bản + hình ảnh). • <Game> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho chơi game với nhiều chi tiết đồ họa và yêu cầu một tần số làm tươi màn hình nhanh. • <Cinema> Chế độ này cung cấp thiết lập độ sáng và độ sắc nét tương tự như màn hình TV cho môi trường giải trí tốt nhất (phim, DVD, v.v...). • <Dynamic Contrast> Điều chỉnh tự động tương phản hình ảnh sao cho ảnh sáng và tối được cân bằng toàn cục. Không có menu này khi tính năng <MagicAngle> hoặc <MagicEco> được cài đặt.
Picture Mode	Màn hình có bốn thông số cài đặt hình ảnh tự động (<Dynamic>, <Standard>, <Movie> và <Custom>) được nhà sản xuất cài sẵn. Bạn có thể kích hoạt một trong bốn chế độ Dynamic, Standard, Movie, hoặc Custom. Bạn có thể chọn "Custom" ("Tùy chỉnh") để máy tự động chuyển sang chế cài đặt hình ảnh riêng của bạn • <Dynamic> Chọn chế độ này sẽ xem được hình ảnh sắc nét hơn ở chế độ Standard. • <Standard> Chọn chế độ này khi môi trường quanh màn hình có ánh sáng. Chế độ này cũng cung cấp hình ảnh sắc nét. • <Movie> Chọn chế độ này khi môi trường quanh màn hình tối. Chế độ này sẽ tiết kiệm điện và giảm bớt sự mỏi mắt khi xem. • <Custom> Chọn chế độ này khi bạn muốn chỉnh hình ảnh theo ý muốn. • Điều này chỉ thực hiện được khi ngõ nhập ngoại được kết nối với cổng HDMI/DVI và <PC/AV Mode> được để <AV>. • Không có menu này khi tính năng <MagicAngle> hoặc <MagicEco> được cài đặt.

MENU	PHẦN MÔ TẢ
MagicAngle	Tính năng này cho phép bạn xem chất lượng tối ưu của màn hình theo vị trí xem của bạn. Khi xem màn hình từ góc bên dưới, phía trên hoặc bên cạnh màn hình, bạn có thể thu được chất lượng hình ảnh tương tự như xem màn hình trực tiếp từ phía trước bằng cách thiết lập chế độ phù hợp cho mỗi vị trí. Thiết lập là <Off> khi xem trực tiếp từ phía trước màn hình. • <Off> 1 - Chọn khi xem từ phía trước. • <Lean Back Mode1> 2 - Chọn khi xem từ vị trí thấp hơn một chút. • <Lean Back Mode2> 3 - Chọn khi xem từ vị trí thấp hơn. • <Standing Mode> 4 - Chọn khi xem từ phía trên màn hình. • <Side Mode> 5 - Chọn khi xem từ vị trí bên trái hoặc bên phải. • <Custom> - Khi chọn <Custom>, thiết lập <Lean Back Mode 1> được áp một cách mặc định. Người dùng có thể thiết lập chất lượng hình ảnh phù hợp như mong muốn.  • Tính năng này không có khi MagicBright được đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Không có menu này khi tính năng <MagicColor> hoặc <Color Effect> được cài đặt.
Coarse	Loại bỏ nhiễu sọc dọc (nhóm sọc) từ màn hình. Vị trí của màn hình có thể bị thay đổi sau khi điều chỉnh. Trong trường hợp này, dời màn hình sao cho màn hình được hiển thị ở trung tâm bằng cách sử dụng menu <H-Position>. Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog.
Fine	Loại bỏ nhiễu sọc ngang (nhóm sọc) từ màn hình. Nếu bạn không thể loại bỏ nhiễu hoàn toàn với chức năng <Fine> hãy sử dụng chức năng <Coarse> sau đó sử dụng lại chức năng <Fine>. Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog.
HDMI Black Level	Khi xem bằng đầu DVD hoặc một hộp set-top được kết nối đến thiết bị thông qua cáp HDMI, việc giảm chất chất lượng hình ảnh (mức độ đen, mức độ tương phản thấp, sắc màu nhạt hơn, v.v..) có thể xuất hiện tùy vào thiết bị bên ngoài được kết nối. • <Normal> • <Low> Chức năng này chỉ hoạt động khi thiết bị bên ngoài được kết nối qua <HDMI>. Chức năng <HDMI Black Level> có thể không tương thích với tất cả thiết bị bên ngoài.

COLOR

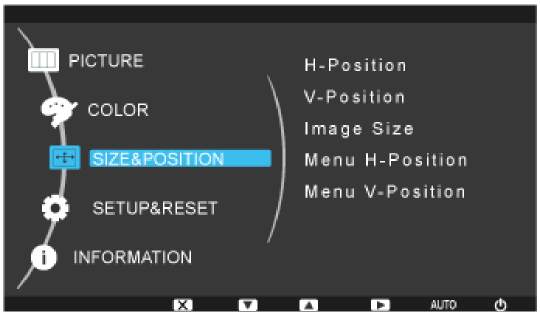

PICTURE
COLOR
SIZE&POSITION
SETUP&RESET
INFORMATION
MagicColor
Red
Green
Blue
Color Tone
Color Effect
Gamma
AUTO

MENU	PHẦN MÔ TẢ
MagicColor	Biểu thị màu sắc tự nhiên một cách rõ ràng mà không làm biến đổi chất lượng hình ảnh nhờ sử dụng công nghệ cải thiện chất lượng hình ảnh được phát triển bởi công ty điện tử Samsung. • <Off> - Tắt chức năng MagicColor. • <Demo> - Bạn có thể so sánh các hình ảnh được xử lý bởi <MagicColor> với các hình ảnh gốc. • <Full> - Cho hình ảnh rõ ràng hơn ở cả những vùng có màu da. • <Intelligent> - Cải thiện độ kết tủa màu ở hình ảnh ngoại trừ những vùng tương xứng với màu da. • Không có menu này khi tính năng <MagicAngle> được cài đặt. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.
Red	Bạn có thể điều chỉnh sắc đỏ của hình ảnh theo sở thích. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicColor> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.
Green	Bạn có thể điều chỉnh sắc xanh lục của hình ảnh theo sở thích. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicColor> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.
Blue	Bạn có thể điều chỉnh sắc xanh dương của hình ảnh theo sở thích. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicColor> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.
Color Tone	Bạn có thể đặt nhiệt độ màu theo sở thích của mình. • <Cool> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu dịu hơn. • <Normal> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang nhiệt độ màu chuẩn. • <Warm> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu ấm hơn. • <Custom> - Chọn menu này để đặt nhiệt độ màu bằng tay. Nếu không thích nhiệt độ màu hiện tại, bạn có thể điều chỉnh thủ công giá trị RGB. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicColor> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <MagicAngle> được cài đặt. • Không có menu này khi tính năng <Color Effect> được cài đặt.

MENU	PHẦN MÔ TẢ
Color Effect	Bạn có thể thay đổi bầu không khí chung bằng cách thay đổi màu của hình ảnh. • <Off> - Tắt chức năng <color effect>. • <Grayscale> -Hiển thị hình ảnh với màu trắng đen. • <Green> - Hiển thị hình ảnh với tông xanh lục. • <Aqua> - Hiển thị hình ảnh với tông trắng trong. • <Sepia> - Hiển thị hình ảnh với tông nâu đen. • Không có menu này khi tính năng <MagicAngle> được cài đặt. • Không có menu này khi tính năng <MagicColor> được cài đặt.
Gamma	Sử dụng menu này, bạn có thể thay đổi cường độ của màu sắc ở độ sáng trung bình. • <Mode1> - <Mode2> - <Mode3> Không có menu này khi tính năng <MagicAngle> được cài đặt.

(Tính năng này không có khi <MagicBright> được đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> và <Cinema>.)

SIZE & POSITION



MENU	PHẦN MÔ TẢ
H-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều ngang. • Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. • Khi nhận tín hiệu 720P,1080i hoặc 1080P trong chế độ AV, chọn <Screen Fit > để điều chỉnh vị trí ngang theo mức từ 0-6.
V-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều dọc. • Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. • Khi nhận tín hiệu 720P,1080i hoặc 1080P trong chế độ AV, chọn <Screen Fit > để điều chỉnh vị trí dọc theo mức từ 0-6.

MENU	PHẦN MÔ TẢ
Image Size	Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16 :9 hoặc 16 :10 **Tín hiệu máy PC** • <Auto> - Hình ảnh được hiển thị theo tỉ lệ co của tín hiệu vào. • <Wide> - Hình ảnh được hiển thị toàn màn hình bất chấp tỉ lệ co của tín hiệu vào. • Tín hiệu không có trong bảng chuẩn không được hỗ trợ. • Nếu độ phân giải được thiết lập ở độ phân giải tối ưu, tỉ lệ co không thay đổi dù cho <Image Size> được để là <Auto> hoặc <Wide>. **Tín hiệu AV** • <4 : 3> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 4 :3 . • <16 : 9> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 16 :9. • <Screen Fit> - Nếu dùng tín hiệu chuẩn 720P, 1080i hoặc 1080P trong chế độ ngõ vào HDMI/DVI, hình ảnh được thể hiện trọn vẹn như nguyên bản. Điều này chỉ thực hiện được khi ngõ nhập ngoại được kết nối với cổng HDMI/DVI và <PC/AV Mode> được để <AV>. • <4 : 3> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 4:3 • <wide> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 16:10. • <Screen Fit> - Nếu dùng tín hiệu chuẩn 720P, 1080i hoặc 1080P trong chế độ ngõ vào HDMI/DVI, hình ảnh được thể hiện trọn vẹn như nguyên bản. • Chỉ sử dụng được khi ngỏ vào tín hiệu ngoài được kết nối với cổng HDMI/DVI và <PC/AV Mode> được đặt ở chế độ <AV> . • Khi bảng có tỷ lệ là 16:10, các tùy chọn kích thước màn hình sẽ bao gồm <4:3>,<wide>,<Screen fit>.
Menu H-Position	Bạn có thể điều chỉnh hoành vị của OSD.
Menu V-Position	Bạn có thể điều chỉnh tung vị của OSD.

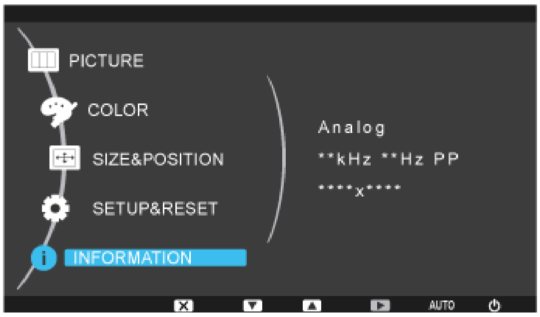
SETUP&RESET



MENU	PHẦN MÔ TẢ
Reset	Sử dụng chức năng này để khôi phục các thiết lập chất lượng và màu về các mặc định xuất xưởng. • <No> - <Yes>
Language	Chọn một ngôn ngữ cho OSD. • **English, Deutsch, Español, Français, Italiano, Svenska, Русский, Português, Türkçe, Polski, Magyar** Ngôn ngữ được lựa chọn chỉ được sử dụng trên OSD của sản phẩm. Sự thiết lập này không ảnh hưởng các chức năng khác của máy PC.
MagicReturn	Chỉ hoạt động trên Windows 7 và được đề xuất khi sử dụng nhiều màn hình. • <Off> Khi chọn <Off>, tính năng <MagicReturn> sẽ bị tắt. • <On> Khi chọn <On>, tính năng <MagicReturn> sẽ được bật. • Tính năng này chỉ có trong Windows 7. Khi sử dụng hệ điều hành khác, bạn nên tắt tính năng này <Off>. • Tính năng này không có cho đầu vào tín hiệu Analog. • Tính năng này không có khi <PC/AV Mode> được cài đặt là <AV>. • Tính năng này có thể sẽ không có cho một số card màn hình. Những card màn hình này không hỗ trợ tiêu chuẩn quốc tế EDID.(Tiêu chuẩn DDWG DVI) Bạn nên tắt tính năng này <Off>. • Nhấn và giữ phím ▼ trong vòng 5 giây trong khi OSD <Check Signal Cable> được hiển thị,<MagicReturn> sẽ tự động tắt <Off>.
MagicEco	Tính năng này cung cấp người dùng chế độ tiết kiệm năng lượng. Chế độ này được nhận thấy bằng cách hạ thấp dòng điện của panel màn hình. • <100%> Khi chọn <100%>, tiêu thụ điện là 100% theo thiết lập mặc định. • <75%> Khi chọn <75%>, tiêu thụ điện chiếm khoảng 75% của cài đặt mặc định. • <50%> Khi chọn <50%>, tiêu thụ điện chiếm khoảng 50% của cài đặt mặc định. • <Power Saving Off> Khi chọn <Power Saving Off>, tính năng này sẽ bị tắt. Menu này không sử dụng được khi chức năng <MagicBright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>.
Off Timer On/Off	Bạn có thể kích hoạt hay tắt bộ định giờ tắt. • <Off> - <On>
Off Timer Setting	Tự động tắt nguồn điện khi đã đến thời gian chọn trước. Tính năng này chỉ có khi chọn <On> trong <Off Timer On/Off>.
Key Repeat Time	Kiểm soát thời gian hoãn lặp của một nút. Có thể cài đặt là <Acceleration>, <1 sec> hoặc <2 sec>. Nếu chọn <No Repeat>, nút này chỉ phản ứng một lần.
Customized Key	Bạn có thể cài đặt một trong số các chức năng sau cho Customized Key (Phím tùy chỉnh). • Tín hiệu máy PC <MagicBright> - <MagicAngle> - <MagicEco> - <Image Size> • Tín hiệu AV <Picture Mode> - <MagicAngle> - <MagicEco> - <Image Size>

MENU	PHẦN MÔ TẢ
Auto Source	• <Auto> - Màn hình tự động lựa chọn một tín hiệu vào. • <Manual> - Người sử dụng phải chọn một tín hiệu vào bằng tay. Không áp dụng cho các kiểu D-SUB Analog hoặc DVI Digital chuyên dụng.
PC/AV Mode	Cài đặt là PC khi kết nối với một PC. Cài đặt là AV khi kết nối với một thiết bị AV. • Chức năng này không hỗ trợ chế độ Analog. • Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16 :9 hoặc 16 :10
Display Time	OSD tự động ẩn khi không được tác động đến. Bạn có thể chỉ định thời gian chờ trước khi OSD tự tắt. • <5 sec> - <10 sec> - <20 sec> - <200 sec>
Menu Transparency	Bạn có thể lựa chọn OSD trong suốt. • <Off> - <On>

INFORMATION



MENU	PHẦN MÔ TẢ
INFORMATION	Hiển thị tần số và độ phân giải thiết lập trên máy PC. Đối với những kiểu chỉ có một giao diện Analog, <Analog/Digital/HDMI> không hiển thị trong mục <Information>.

4 Cài đặt phần mềm

4-1 Natural Color (Màu sắc tự nhiên)

Thế nào là Natural Color ?

Phần mềm này chỉ làm việc trên những sản phẩm Samsung và cho phép điều chỉnh màu sắc hiển thị trên sản phẩm và đối chiếu với màu trên sản phẩm với màu của những bức ảnh được in ra. Để biết thêm thông tin chi tiết, tham khảo trợ giúp trực tuyến của phần mềm (F1).

Chương trình phần mềm Natural Color (Màu sắc tự nhiên) được cung cấp trực tuyến. Bạn có thể tải chương trình này từ trang web dưới đây để cài đặt:

http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/naturalcolorexpert/pop_download.html

4-2 MagicTune

Thế nào là MagicTune?

 MagicTune là phần mềm trợ giúp tùy chỉnh màn hình bằng cách cung cấp các mô tả đầy đủ chức năng màn hình và các hướng dẫn dễ hiểu.

Người sử dụng có thể điều chỉnh sản phẩm từ chuột hoặc bàn phím mà không cần thao tác trên các nút điều khiển.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MagicTune.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin cài đặt MagicTune trên CD-ROM.

3. Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng MagicTune có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicTune™)

Cài đặt MagicTune™có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Yêu cầu về hệ thống

OS

- Windows 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32bit
- Windows 7 32bit

Để sử dụng MagicTune™, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

Để biết thêm thông tin, tham khảo website.

Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicTune™từ [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Windows.

Để gỡ bỏ MagicTune™, hãy hoàn thành các bước sau.

1. Nhấp [Start (Bắt đầu)] chọn [Settings (Cài đặt)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
   Trong Windows XP, nhấp [Start (Bắt đầu)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.

2. Nhấp đúp vào biểu tượng [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Control Panel (Bảng điều khiển).
3. Trong cửa sổ [Add/Remove (Thêm/Gỡ bỏ)] tìm và chọn MagicTune™, tên chương trình hiện sáng lên khi được chọn.
4. Nhấp [Change or Remove Programs (Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình)] để gỡ bỏ phần mềm.
5. Chọn [Yes (Có)] để bắt đầu gỡ bỏ MagicTune™.
6. Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.

Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicTune™, vui lòng truy cập website của chúng tôi.

4-3 MagicRotation

Thế nào là MagicRotation?

Phần mềm MagicRotation của Samsung Electronics, Inc. cung cấp cho người dùng các đặc tính xoay màn hình (hướng 0, 90, 180, 270) giúp dễ dàng tận dụng tối ưu màn hình máy tính, quan sát tốt hơn cũng như năng suất người dùng được cải thiện tốt hơn.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MagicRotation.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin cài đặt MagicRotation trên CD-ROM.

3. Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng MagicRotation có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicRotation)

Cài đặt MagicRotation có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hạn chế

1. "Trình điều khiển màn hình" phải được nạp đầy đủ để chương trình MagicRotation hoạt động đúng.
   "Trình điều khiển màn hình" phải là phiên bản mới nhất do người bán cung cấp.
2. Nếu một vài ứng dụng như Windows Media Player, Real Player v.v... không hiển thị hình ảnh phù hợp khi góc xoay màn hình là 90, 180 và 270 độ, bạn làm như sau:
   - Đóng ứng dụng đó lại.
   - Chọn góc xoay (90, 180, 270) theo yêu cầu.
   - Sau đó chạy lại ứng dụng đó.

   Trong hầu hết mọi trường hợp, thao tác này khắc phục được lỗi này.
3. Các phần mền ứng dụng sử dụng OpenGL và DirectDraw (hình ảnh 3D) sẽ không hoạt động được trong các chế độ xoay được chọn (90, 180, 270).
   Ví dụ: trò chơi 3D
4. Trong các ứng dụng trên nền DOS ở chế độ toàn màn hình sẽ không hoạt động được trong các chế độ góc xoay được chọn (90, 180, 270).
5. Kiểu Song song không được hỗ trợ trong Windows™ 98, ME, NT 4.0.
6. MagicRotation không hỗ trợ hình ảnh 24 bit/pixel (độ sâu Bit /Chất lượng hình ảnh).
7. Nếu bạn thay đổi card màn hình, bạn nên tháo gỡ phần mềm MagicRotation trước khi thay.

Yêu cầu về hệ thống

OS

- Windows™ 98 SE
- Windows™ Me
- Windows™ NT 4.0

- Windows™ 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32bit
- Windows 7 32bit

Để sử dụng MagicRotation, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 128MB bộ nhớ(đề xuất)
- Tối thiểu 25MB ổ cứng còn trống

Gói dịch vụ

- Đề xuất sử dụng gói dịch vụ mới nhất cho hệ thống của bạn.
- Đối với Windows™, NT 4.0, các phần mềm Internet Explorer 5.0 và phiên bản mới hơn với thành phần Active Desktop được khuyến cáo nên dùng.

- Để biết thêm thông tin, tham khảo website.
- Windows™, là nhãn hiệu đã đăng ký của công ty Microsoft.

Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicRotation từ [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Windows.

Để gỡ bỏ MagicRotation, hãy hoàn thành các bước sau.

1. Nhấp [Start (Bắt đầu)] chọn [Settings (Cài đặt)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
   Trong Windows XP, nhấp [Start (Bắt đầu)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
2. Nhấp đúp vào biểu tượng [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Control Panel (Bảng điều khiển).
3. Trong cửa sổ [Add/Remove (Thêm/Gỡ bỏ)], tìm và chọn MagicRotation, tên chương trình sáng lên khi được chọn .
4. Nhấp [Change or Remove Programs (Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình)] để gỡ bỏ phần mềm.
5. Chọn [Yes (Có)] để bắt đầu gỡ bỏ MagicRotation.
6. Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.

Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicRotation, vui lòng truy cập website của chúng tôi.

4-4 MultiScreen

Thế nào là MultiScreen?

Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MultiScreen.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin MultiScreen trên CD-ROM.

3. Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

   - Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
   - Biểu tượng MultiScreen có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
   - Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt MultiScreen có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hệ điều hành

OS

- Windows 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32bit
- Windows 7 32bit

Để sử dụng MultiScreen, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [Start (Bắt đầu)], chọn [Settings (Cài đặt)]/[Control Panel (Bảng điều khiển)] và nhấp kép vào [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)].

Chọn MultiScreen từ danh sách và nhấp nút [Add/Delete (Thêm/Xóa)].

5 Giải quyết sự cố

5-1 Tự chuẩn đoán màn hình - Self-Diagnosis

- Bạn có thể kiểm tra sự hoàn hảo của sản phẩm bằng chức năng Self-Diagnosis.
- Lúc màn hình trống xuất hiện và đèn LED nguồn nhấp nháy ngay cả khi sản phẩm và máy PC đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy thực hiện chức năng tự chuẩn đoán theo như trình tự sau.

1. Tắt nguồn sản phẩm và máy PC.

2. Tháo rời cáp tín hiệu khỏi sản phẩm.

3. Bật sản phẩm.

4. Nếu sản phẩm đang hoạt động tốt, bạn nhận được thông báo <Check Signal Cable>.
Trong trường hợp này, nếu màn hình trống xuất hiện lần nữa, hãy chắc chắn rằng không có trục trặc với máy PC và kết nối. Sản phẩm hoạt động hoàn hảo.

5-2 Trước khi yêu cầu dịch vụ

Vui lòng kiểm tra các nội dung sau trước khi yêu cầu dịch vụ hậu mãi. Nếu trục trặc vẫn còn, vui lòng liên hệ trung tâm dịch vụ công ty điện tử Samsung gần nhất.

MÀN HÌNH TRỐNG XUẤT HIỆN/ TÔI KHÔNG THỂ MỞ NGUỒN SẢN PHẨM	
Đã cắm dây nguồn đúng cách chưa?	Kiểm tra tình trạng kết nối của dây nguồn.
Có thông báo <Check Signal Cable> xuất hiện trên màn hình?	(Đã kết nối sử dụng cáp D-sub) Hãy kiểm tra lại cáp kết nối với PC với sản phẩm. (Sử dụng cáp DVI kết nối) Trong trường hợp thông báo này vẫn xuất hiện trên màn hình ngay cả khi cáp đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy kiểm tra lại nguồn tín hiệu vào bằng cách nhấn nút /SOURCE của sản phẩm.
Xuất hiện thông báo <Not Optimum Mode> trên màn hình?	Điều này xảy ra khi tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải tối đa của sản phẩm. Trong trường hợp này, hãy thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm.
Màn hình trống xuất hiện và LED nguồn nhấp nháy mỗi giây một lần?	**1.** Điều này xảy ra khi chức năng tiết kiệm điện đang được sử dụng. Nếu bạn nhấp chuột hoặc nhấn phím bất kỳ, màn hình sẽ được kích hoạt trở lại. **2.** Điều này xảy ra khi hai màn hình được kết nối, <MagicReturn> được bật là <On> và Magictune đang chạy. Trong trường hợp này, hình ảnh trên Magictune OSD có thể bị vỡ. Để chạy Magictune, phải cài đặt <MagicReturn> là tắt <Off>. Hãy khởi động lại PC, cài đặt <MagicReturn> là tắt <Off> và chạy Magictune.
Bạn có sử dụng cáp DVI?	Nếu bạn kết nối cáp DVI trong khi máy PC đang khởi động hoặc cắm lại cáp DVI sau ngắt ra trong lúc sử dụng máy PC, màn hình có thể không hiển thị do một số card màn hình không xuất tín hiệu video. Trong trường hợp này, khởi động lại máy PC với cáp DVI đã được kết nối sẵn.
Bạn sẽ thấy có các khoảng trống ở phía trên và phía dưới màn hình khi cáp [HDMI]hoặc [HDMI-DVI] được kết nối với màn hình hoặc PC.	Màn hình không gây nên các khoảng trống trên màn hình. Nguyên nhân gây nên vấn đề trên là do PC hoặc card đồ họa, và có thể xử lý bằng cách điều chỉnh kích thước của màn hình trong tùy chọn HDMI hoặc DVI của trình đơn cài đặt card đồ họa. Nếu trình đơn cài đặt card đồ họa không có tùy chọn để điều chỉnh kích thước màn hình, hãy cập nhật trình điều khiển card đồ họa tới phiên bản mới nhất. (Hãy liên hệ với nhà sản xuất card đồ họa hoặc máy tính để biết thêm thông tin chi tiết về cách điều chỉnh cài đặt màn hình.)
HÌNH ẢNH QUÁ SÁNG HOẶC QUÁ TỐI.	
Điều chỉnh brightness và contrast. (Tham khảo Brightness, Contrast) Độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo chế độ được cài đặt cho <MagicAngle>. Nếu <MagicBright> được cài đặt là <Dynamic Contrast>, độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào.	

<table>
<tr><th colspan="2">MENU ĐIỀU CHỈNH MÀN HÌNH (OSD) KHÔNG XUẤT HIỆN.</th></tr>
<tr><td>Bạn đã hủy điều chỉnh màn hình?</td><td>Kiểm tra chức năng <Khóa điều chỉnh OSD> có bị tắt.</td></tr>
<tr><th colspan="2">MÀU SẮC NHẬP NHẰNG/CHỈ CÓ HÌNH ẢNH TRẮNG ĐEN</th></tr>
<tr><td>Cả màn hình chỉ có một màu như thể màn hình có che giấy bóng kính?</td><td>Kiểm tra kết nối với máy tính.
Gắn lại card màn hình cho thật chặt.
Kiểm tra xem <Color Effect> có ở <Off>.</td></tr>
<tr><td>Card màn hình đã được cấu hình chính xác?</td><td>Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.</td></tr>
<tr><th colspan="2">VÙNG HIỂN THỊ ĐỘT NGỘT DI CHUYỂN VỀ PHÍA RÌA HOẶC TRUNG TÂM.</th></tr>
<tr><td>Bạn có thay đổi card màn hình hay trình điều khiển?</td><td>Vui lòng nhấn nút [AUTO] để kích hoạt chức năng tự điều chỉnh.</td></tr>
<tr><td>Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?</td><td>Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình
theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)</td></tr>
<tr><td>Card màn hình đã được cấu hình chính xác?</td><td>Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.</td></tr>
<tr><th colspan="2">HÌNH ẢNH MẤT HỘI TỤ.</th></tr>
<tr><td>Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?</td><td>Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình
theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)</td></tr>
<tr><th colspan="2">MÀN HÌNH HIỂN THỊ DẠNG 16 BIT (16 MÀU). MÀU SẮC THAY ĐỔI SAU KHI THAY ĐỔI CARD MÀN HÌNH.</th></tr>
<tr><td>Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?</td><td>Windows XP : Thiết lập màu lại bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Display (Hiển thị)→ Settings (Cài đặt).
Windows Vista : thay đổi cài đặt màu bằng cách chọn ”Control Panel” (Bảng điều khiển) → “Appearance and Personalization” (Hình thức và Tùy chỉnh)→”Personalization” (Tùy chỉnh)→ ”Resolution” (Độ phân giải).
Windows 7 : thay đổi cài đặt màu bằng cách chọn “Control Panel”(Bảng điều khiển) → “Personalization” (Tùy chỉnh)→”Display” (Hiển thị)→”Change display settings” (Thay đổi cài đặt hiển thị)→”Advanced settings” (Cài đặt nâng cao)→”Monitor (Màn hình)”.</td></tr>
<tr><td>Card màn hình đã được cấu hình chính xác?</td><td>Xác lập chế độ màu lại cho phù hợp với trình điều khiển card màn hình mới.</td></tr>
<tr><th colspan="2">KHI KẾT NỐI VỚI MÀN HÌNH, XUẤT HIỆN THÔNG BÁO 'KHÔNG TÌM THẤY MÀN HÌNH, TÌM THẤY MÀN HÌNH CẮM&CHẠY (VESA DDC)'.</th></tr>
<tr><td>Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?</td><td>Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.</td></tr>
<tr><td>Kiểm tra xem tất cả các chức năng cắm&chạy (VESA DDC) có được hỗ trợ tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của card màn hình.</td><td>Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.</td></tr>
<tr><th colspan="2">TÔI THẤY CÁC VẾT DÍNH NHỎ XUẤT HIỆN Ở CÁC VIỀN NGOÀI CỦA SẢN PHẨM.</th></tr>
<tr><td colspan="2">Do sản phẩm này được thiết kế sao cho màu sắc có vẻ mềm mại bằng cách phủ một chất trong suốt lên trên các viền đen, vì thế bạn có thể thấy chúng. Điều này không phải khiếm khuyết của sản phẩm.</td></tr>
<tr><th colspan="2">ÂM THANH "BÍP, BÍP" PHÁT RA KHI KHỞI ĐỘNG MÁY TÍNH.</th></tr>
<tr><td colspan="2">Nếu tiếng bíp kêu 3 lần hoặc nhiều hơn khi khởi động máy tính, vui lòng yêu cầu dịch vụ về máy tính.</td></tr>
</table>

KHI DÙNG SẢN PHẨM NÀY TRÊN MÁY TÍNH HỖ TRỢ TÍNH NĂNG HDCP (CÔNG NGHỆ BẢO VỆ NỘI DUNG SỐ BĂNG THÔNG CAO), NẾU TÍNH NĂNG HDCP KHÔNG HOẠT ĐỘNG ĐÚNG, HÃY THAY ĐỔI CÀI ĐẶT LIÊN QUAN NHƯ SAU:
Thay đổi cài đặt để tính năng HDCP hoạt động đúng. Thay đổi cài đặt: [MENU] -> <SETUP&RESET> -> <PC/AV Mode> -> <AV> Trong trường hợp này, kích thước màn hình được phóng to. Để thay đổi kích thước màn hình phóng to, thay đổi cài đặt liên quan như sau: Thay đổi cài đặt: [MENU] -> <SIZE & POSITION> -> <Image Size> -> <Screen Fit>

5-3 Các câu hỏi thường gặp (FAQ)

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)!	HÃY THỬ THỰC HIỆN CÁC CÁCH SAU!
Làm thế nào để thay đổi tần số của tín hiệu video?	Bạn phải thay đổi tần số của card màn hình. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)
Làm thế nào để chỉnh sửa độ phân giải?	Windows XP : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Appearance and Themes (Hình thức và chủ đề) → Display (Hiển thị)→ Settings (Cài đặt). Windows Vista : thay đổi cài đặt màu bằng cách chọn ”Control Panel” (Bảng điều khiển)" → “Appearance and Personalization” (Hình thức và Tùy chỉnh)→”Personalization” (Tùy chỉnh)→ ”Resolution” (Độ phân giải). Windows 7 : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn “Control Panel (Bảng điều khiển)”→“Personalization (Tùy chỉnh)”→“Display” (Hiển thị)→“Adjust resolution (Điều chỉnh độ phân giải)”. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)
Làm thế nào để cài đặt chức năng tiết kiệm điện?	Windows XP : Thiết lập cấu hình bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Appearance and Themes (Hình thức và chủ đề) → Display (Hiển thị) → Screen Saver Setting (Cài đặt màn hình hiển thị) hoặc cấu hình từ BIOS Setup của máy tính. Windows Vista : thay đổi cài đặt bằng cách chọn ”Control Panel” (Bảng điều khiển)" → “Appearance and Personalization” (Hình thức và Tùy chỉnh)→”Personalization” (Tùy chỉnh)”→“Screen Saver” (Màn hình chờ). Bạn cũng có thể sử dụng trình đơn BIOS SETUP (Cài đặt BIOS) trên PC. Windows 7 : thay đổi cài đặt bằng cách chọn ”Control Panel” (Bảng điều khiển)”→“Personalization (Tùy chỉnh)”→“Screen Saver” (Màn hình chờ). Bạn cũng có thể sử dụng trình đơn BIOS SETUP (Cài đặt BIOS) trên PC. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)

6 Thông tin bổ sung

6-1 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1740R/B1740RX
Tấm panel	Kích thước	17" (43 cm)
	Vùng hiển thị	337,92 mm (Ngang) x 270,336 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,264 mm (Ngang) x 0,264 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		373,5 x 314,5 x 68 mm (Không có chân đế) 373,5 X 330,4 X 190,0 mm / 4,3 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-2 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-3 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1940M/B1940MX
Tấm panel	Kích thước	18,5" (47 cm)
	Vùng hiển thị	409,8 mm (Ngang) x 230,4 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,3 mm (Ngang) x 0,3 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1366 x 768 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1366 x 768 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		137 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Tín hiệu âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,4 x 272,5 x 69,5 mm (Không có chân đế) 443,4 X 323,7 X 190 mm / 4,3 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-4 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-5 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1940ER
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,056 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,294 mm (Ngang) x 0,294 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		417,2 x 344,9 x 70,5 mm (Không có chân đế) 417,2 X 389,7 X 220 mm / 4,8 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:417,2 X 379,7 X 220 mm / 4,8 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-6 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-7 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1940R/B1940RX
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,056 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,294 mm (Ngang) x 0,294 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		417,2 x 344,9 x 70,5 mm (Không có chân đế) 417,2 X 389,7 X 220 mm / 4,8 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:417,2 X 379,7 X 220 mm / 4,8 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-8 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-9 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1940MR/B1940MRX
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,06 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,294 mm (Ngang) x 0,294 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Tín hiệu âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		417,2 x 344,9 x 70,5 mm (Không có chân đế) 417,2 X 389,7 X 220 mm / 4,8 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:417,2 X 379,7 X 220 mm / 4,8 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-10 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-11 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1940W/B1940WX
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1440 x 900 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		137 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,0 x 295,1 x 69,15 mm (Không có chân đế) 443,0 X 337,05 X 190 mm / 4,2 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện từ hơn các thiết bị lớp A.)

6-12 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	35 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-13 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240/B2240X
Tấm panel	Kích thước	21,5" (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		162MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		513,2 x 309,6 x 68 mm (Không có chân đế) 513,2 X 341,2 X 190 mm / 4,9 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-14 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-15 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240M/B2240MX
Tấm panel	Kích thước	21,5" (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		162MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Tín hiệu âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		513,2 x 309,6 x 68 mm (Không có chân đế) 513,2 X 341,2 X 190 mm / 5,25 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-16 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-17 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240MW/B2240MWX
Tấm panel	Kích thước	22" (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Tín hiệu âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		510,7 x 337,75 x 68 mm (Không có chân đế) 510,7 X 393,2 X 220,0 mm / 5,2 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:510,7 X 383,2 X 220,0 mm / 5,2 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-18 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-19 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240EMW
Tấm panel	Kích thước	22" (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Tín hiệu âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		510,7 x 337,8 x 68 mm (Không có chân đế) 510,7 X 393,2 X 220,0 mm / 5,15 kg (Có chân đế) 510,7 x 403,9 x 220,0 mm / 5,15 kg (Có chân đế HAS-USB) Khu vực châu Âu:510,7 X 383,2 X 220,0 mm / 5,15 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-20 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	28 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-21 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2340
Tấm panel	Kích thước	23" (58 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (Ngang) x 286,74 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (Ngang) x 0,2655 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		551 x 330,6 x 68 mm (Không có chân đế) 551 X 388,4 X 220 mm / 5,45 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:551 X 378,4 X 220 mm / 5,45 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-22 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-23 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2440L/B2440LX
Tấm panel	Kích thước	23,6" (59 cm)
	Vùng hiển thị	521,28 mm (Ngang) x 293,22 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2715 mm (Ngang) x 0,2715 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570 x 342,4 x 68 mm (Không có chân đế) 570 X 387,8 X 220 mm / 5,8 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:570 X 377,8 X 220 mm / 5,8 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-24 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-25 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2440/B2440X
Tấm panel	Kích thước	24" (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570 x 342,4 x 68 mm (Không có chân đế) 570 X 387,8 X 220 mm / 5,7 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:570 X 377,8 X 220 mm / 5,7 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-26 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-27 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2440M
Tấm panel	Kích thước	24" (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Tín hiệu âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570 x 342,4 x 68 mm (Không có chân đế) 570 X 387,8 X 220 mm / 5,75 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:570 X 377,8 X 220 mm / 5,75 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-28 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-29 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		BX2240/BX2240X
Tấm panel	Kích thước	21,5" (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		513,2 x 309,6 x 68 mm (Không có chân đế) 513,2 X 341,2 X 190 mm / 4,25 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚ ~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-30 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-31 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		BX2440/BX2440X
Tấm panel	Kích thước	24" (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog,DVI (Giao diện hình ảnh số) tương thích Số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164 MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570,0 x 342,4 x 68,0 mm (Không có chân đế) 570,0 X 387,8 X 220,0 mm / 5,1 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:570,0 X 377,8 X 220,0 mm / 5,1 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-32 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-33 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1720NR/E1720NRX
Tấm panel	Kích thước	17" (43 cm)
	Vùng hiển thị	337,92 mm (Ngang) x 270,336 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,264 mm (Ngang) x 0,264 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		373,5 x 314,5 x 62 mm (Không có chân đế) 373,5 X 395,9 X 179,8 mm / 3,5 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-34 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-35 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1920/E1920X
Tấm panel	Kích thước	18,5" (47 cm)
	Vùng hiển thị	409,8 mm (Ngang) x 230,4 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,3 mm (Ngang) x 0,3 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1366 x 768 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1366 x 768 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog,DVI (Giao diện hình ảnh số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		89 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,4 x 272,5 x 63,2 mm (Không có chân đế) 443,4 X 355 X 179,8 mm / 3,45 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-36 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-37 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1920R
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,06 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,294 mm (Ngang) x 0,294 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog,DVI (Giao diện hình ảnh số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		417,2 x 344,9 x 65,5 mm (Không có chân đế) 417,2 X 426,4 X 179,8 mm / 4,2 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-38 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-39 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1920N/E1920NX
Tấm panel	Kích thước	18,5" (47 cm)
	Vùng hiển thị	409,8 mm (Ngang) x 230,4 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,3 mm (Ngang) x 0,3 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1366 x 768 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1366 x 768 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		89 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,4 x 272,5 x 63,2 mm (Không có chân đế) 443,4 X 355 X 179,8 mm / 3,45 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-40 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-41 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1920NR/E1920NRX
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,06 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,294 mm (Ngang) x 0,294 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x 1024 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x 1024 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		417,2 x 344,9 x 65,5 mm (Không có chân đế) 417,2 X 426,4 X 179,8 mm / 4,2 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-42 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-43 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1920NW /E1920NWX
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1440 x 900 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		137 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,0 x 295,1 x 63 mm (Không có chân đế) 443,0 X 375,0 X 179,8 mm / 3,6 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-44 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	35 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-45 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E1920W/E1920WX
Tấm panel	Kích thước	19" (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1440 x 900 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		137 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,0 x 295,1 x 63 mm (Không có chân đế) 443,0 X 375,0 X 179,8 mm / 3,6 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-46 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	35 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-47 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2020/E2020X
Tấm panel	Kích thước	20" (50 cm)
	Vùng hiển thị	442,8 mm (Ngang) x 249,08 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2768 mm (Ngang) x 0,2768 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1600 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1600 x 900 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		150 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		477,1 x 289,05 x 62 mm (Không có chân đế) 477,1 X 368,95 X 179,8 mm / 3,95 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-48 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25 W	0,3 W	0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-49 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2020N/E2020NX
Tấm panel	Kích thước	20" (50 cm)
	Vùng hiển thị	442,8 mm (Ngang) x 249,08 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2768 mm (Ngang) x 0,2768 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1600 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1600 x 900 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		150 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		477,1 x 289,05 x 62 mm (Không có chân đế) 477,1 X 368,95 X 179,8 mm / 3,95 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-50 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25 W	0,3 W	0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-51 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2220/E2220X
Tấm panel	Kích thước	21,5" (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		162 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		513,2 x 309,6 x 61,9 mm (Không có chân đế) 513,2 X 388,5 X 200 mm / 4,1 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-52 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-53 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2220N/E2220NX
Tấm panel	Kích thước	21,5" (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0, 24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		162 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		513,2 x 309,6 x 61,9 mm (Không có chân đế) 513,2 X 388,5 X 200 mm / 4,1 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện từ hơn các thiết bị lớp A.)

6-54 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-55 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2220NW
Tấm panel	Kích thước	22" (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146 MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		510,7 x 337,75 x 62 mm (Không có chân đế) 510,7 X 418,7 X 200 mm / 4,55 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-56 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-57 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2220W /E2220WX
Tấm panel	Kích thước	22" (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		510,7 x 337,75 x 62 mm (Không có chân đế) 510,7 X 418,7 X 200 mm / 4,55 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-58 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-59 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2320/E2320X
Tấm panel	Kích thước	23" (58 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (Ngang) x 286,74 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (Ngang) x 0,2655 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		551 x 330,6 x 62 mm (Không có chân đế) 551 X 408,3 X 200 mm / 4,75 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-60 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-61 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		EX2220/EX2220X
Tấm panel	Kích thước	21,5" (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		513,2 x309,6 x 61,9 mm (Không có chân đế) 513,2 X 388,5 X 200 mm / 3,6 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10°C ~ 40°C (50°F ~ 104°F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20°C ~ 45°C (-4°F ~ 113°F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-62 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	22 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-63 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240MH
Tấm panel	Kích thước	21,5 inches (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) x 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB,HDMI,Audio-In, Audio Out (Ngõ xuất tiếng) 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		162 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời Cáp HDMI ,có thể tách rời
Tín hiệu Âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế HAS)		513,2 x 309,6 x 68 mm (Không có chân đế) 513,2 x 341,2 x 190 mm / 4,9 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-64 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-65 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		BX2340/BX2340X
Tấm panel	Kích thước	23 inches (58 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (Ngang) x 286,74 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (Ngang) x 0,2655 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế HAS)		551 x 330,6 x 68 mm (Không có chân đế) 551 x 388,4 x 220 mm / 4,9 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:551 x 378,4 x 220 mm / 4,9 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-66 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-67 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B1940EW
Tấm panel	Kích thước	19 inches (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440 x 900 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1440 x 900 @75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		137 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế HAS)		443,0 x 295,1 x 69,15 mm (Không có chân đế) 443,0 x 337,05 x 190 mm / 4,2 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-68 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-69 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240EW
Tấm panel	Kích thước	22 inches (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế HAS)		510,7 x 337,75 x 68 mm (Không có chân đế) 510,7 x 393,2 x 220 mm / 5,2 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:510,7 x 383,2 x 220 mm / 5,2 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-70 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	28 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-71 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2420
Tấm panel	Kích thước	24 inches (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570 x 342,4 x 67 mm (Không có chân đế) 570 x 424 x 200 mm / 4,9 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-72 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-73 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2420NL/E2420NLX
Tấm panel	Kích thước	23,6 inches (59 cm)
	Vùng hiển thị	521,28 mm (Ngang) x 293,22 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2715 mm (Ngang) x 0,2715 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570 x 342,4 x 67 mm (Không có chân đế) 570 x 424 x 200 mm / 5,05 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-74 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-75 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		E2420L/E2420LX
Tấm panel	Kích thước	23,6 inches (59 cm)
	Vùng hiển thị	521,28 mm (Ngang) x 293,22 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2715 mm (Ngang) x 0,2715 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		570 x 342,4 x 67 mm (Không có chân đế) 570 x 424 x 200 mm / 5,05 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-76 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-77 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		EX1920/EX1920X
Tấm panel	Kích thước	18,5 inches (47 cm)
	Vùng hiển thị	409,8 mm (Ngang) x 230,4 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,300 mm (Ngang) x 0,300 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1366X768 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1366X768 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		89MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		443,4 x 272,5 x 63,2 mm (Không có chân đế) 443,4 x 355 x 179,8 mm / 3,0 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-78 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	18 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-79 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		EX2020/EX2020X
Tấm panel	Kích thước	20 inches (50 cm)
	Vùng hiển thị	442,8 mm (Ngang) x 249,075 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2768 mm (Ngang) x 0,2768 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1600x900 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1600x900 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		108MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế đơn)		477,1 x 289,05 x 62 mm (Không có chân đế) 477,1 x 368,95 x 179,8 mm / 3,4 kg (Có chân đế)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-1˚~20˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-80 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-81 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2240W / B2240WX
Tấm panel	Kích thước	22 inches (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680 x 1050 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1680 x 1050 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế HAS)		510,7 x 337,8 x 68 mm (Không có chân đế) 510,7 x 393,2 x 220,0 mm / 5,2 kg (Có chân đế) 510,7 x 403,9 x 220,0 mm / 5,2 kg (Có chân đế HAS-USB) Khu vực châu Âu:510,7 x 383,2 x 220,0 mm / 5,2 kg (Có chân đế) Khu vực châu Âu:510,7 x 393,9 x 220,0 mm / 5,2 kg (Có chân đế HAS-USB)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ bảo quản : 10? ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-82 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-83 Các đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		B2440MH
Tấm panel	Kích thước	24 inches (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB,HDMI,Audio Vào, Audio Ra 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164 MHz (Analog, Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời Cáp HDMI ,có thể tách rời
Tín hiệu Âm thanh	Tín hiệu âm thanh đầu vào	1 chân , tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC
	Tín hiệu âm thanh đầu ra	1 chân , đầu nối tai nghe
	Loa	1Watt x 2
Kích thước (RxCxS) / Trọng lượng (Chân đế HAS)		570 x 342,4 x 68 mm (Không có chân đế) 570,0 x 398,5 x 220,0 mm / 5,75 kg (Có chân đế HAS-USB) Khu vực châu Âu:570,0 x 388,5 x 220,0 mm / 5,75 kg (Có chân đế HAS-USB)
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ :10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-5˚~22˚

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị đã được đăng ký tiêu chuẩn EMI sử dụng tại gia đình (Loại B). Thiết bị sử dụng được ở mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-84 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	45 W	Dưới 0,3 W	Dưới 0,3 W

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-85 Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

- Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

NORTH AMERICA		
U.S.A	1-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
CANADA	1-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
MEXICO	01-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com

LATIN AMERICA		
ARGENTINA	0800-333-3733	http://www.samsung.com
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com
CHILE	800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
COLOMBIA	01-8000112112	http://www.samsung.com
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com
HONDURAS	800-7919267	http://www.samsung.com
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com
NICARAGUA	00-1800-5077267	http://www.samsung.com
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com
REP. DOMINICA	1-800-751-2676	http://www.samsung.com
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com

EUROPE		
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG(7267864,€ 0.07/min)	http://www.samsung.com
BELGIUM	02-201-24-18	http://www.samsung.com/be (Dutch) http://www.samsung.com/be_fr (French)
CZECH	800 - SAMSUNG (800-726786)	http://www.samsung.com
	Distributor pro Českou republiku: Samsung Zrt., česká organizační složka, Oasis Florenc, Sokolovská394/17, 180 00, Praha 8	
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com
EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
FINLAND	030 - 6227 515	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com

EUROPE		
GERMANY	01805 - SAMSUNG (726-7864,€ 0,14/ Min)	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
NETHERLANDS	0900 - SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815-56 480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801 1SAMSUNG (172678) 022 - 607 - 93 - 33	http://www.samsung.com
PORTUGAL	80820 - SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848-SAMSUNG(7267864, CHF 0.08/ min)	http://www.samsung.com/ch http://www.samsung.com/ch_fr (French)
U.K	0845 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com

CIS		
ARMENIA	0-800-05-555	
AZERBAIJAN	088-55-55-555	
BELARUS	810-800-500-55-500	
GEORGIA	8-800-555-555	
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500	
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	00-800-500-55-500	
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http://www.samsung.com/ua http://www.samsung.com/ua_ru
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com

ASIA PACIFIC		
AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858 010-6475 1880	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	http://www.samsung.com/hk http://www.samsung.com/hk_en/

ASIA PACIFIC		
INDIA	3030 8282 1800 110011 1800 3000 8282 1800 266 8282	http://www.samsung.com
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG(726-7864) 1-800-3-SAMSUNG(726-7864) 1-800-8-SAMSUNG(726-7864) 02-5805777	http://www.samsung.com
SINGAPORE	1800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
TAIWAN	0800-329-999	http://www.samsung.com
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	http://www.samsung.com
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com

MIDDLE EAST & AFRICA		
BAHRAIN	8000-4726	
EGYPT	0800-726786	
JORDAN	800-22273	
KSA	9200-21230	http://www.samsung.com
QATAR	800-2255	
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
SYRIA	1825-22-73	
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com
U.A.E	800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com